

Số: 362/KH-MNPN

Uông Bí, ngày 30 tháng 8 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC MẦM NON - TRƯỜNG MẦM NON PHƯƠNG NAM
Năm học 2025 - 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGD&ĐT ngày 31/1/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non; Căn cứ Thông tư số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ vào mục tiêu của Chương trình giáo dục nhà trẻ độ tuổi từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi, Chương trình giáo dục độ tuổi mẫu giáo từ 3 tuổi đến 6 tuổi về tất cả các lĩnh vực phát triển;

Căn cứ Quyết định số: 3261/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh

Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Trường mầm non Phương Nam luôn nhận được sự quan tâm của các cấp các ngành, cơ sở vật chất nhà trường ngày càng khang trang, Nhà trường được UBND thành phố Uông Bí cũ xây mới 08 phòng học đi vào hoạt động tháng 9/2025. Trong năm học nhà trường luôn được Sở Giáo dục cũng như UBND phường Yên Tử quan tâm đầu tư và bổ sung các thiết bị đồ dùng đồ chơi tại các nhóm lớp và sửa chữa một số hạng mục bị xuống cấp ở các điểm trường.

- Hiện nay cha mẹ học sinh đã có nhận thức tốt hơn đối với công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ vì vậy nhà trường luôn được sự ủng hộ nhiệt tình của CMHS trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn 100%, năng động, nhiệt tình trong công tác yêu nghề, mến trẻ, luôn có tinh thần đoàn kết cùng giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ năm học.

- Số lượng trẻ ở các lớp đảm bảo và được phân theo đúng độ tuổi.

- Trong những năm qua Ngành giáo dục thành phố Uông Bí đã có những bước phát triển mạnh mẽ nên đã có những tác động không nhỏ đến tầng lớp cha mẹ học sinh và Chính quyền địa phương; Các phong trào học tập, phong trào dạy học được ngành phát động, triển khai đã phần nào làm thay đổi nhận thức, hành động của Đội ngũ nhà giáo.

- Nhu cầu của cha mẹ học sinh gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng.

1.2. Thách thức

- Dân cư sinh sống trên địa bàn phường chủ yếu làm nghề nông nghiệp, Lao động tự do mức thu nhập bình quân trên các hộ dân thấp. Nên công tác phối hợp để thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ còn gặp nhiều khó khăn.

- Cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường phần lớn trong độ tuổi sinh nở và có con nhỏ. Một số giáo viên tuổi cao kỹ năng sư phạm cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động cho trẻ còn hạn chế.

- Sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đang được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, đòi hỏi nhà trường phải xây dựng và phát triển theo hướng tiên tiến, hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập theo xu thế công nghệ hoá 4.0 của xã hội. Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, tính sáng tạo, chủ động, ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến của giáo viên còn chưa thường xuyên và đồng bộ.

- Nhiều cơ sở tư thực ngoài công lập được thành lập, do đó cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ huy động trẻ trên địa bàn điều này đòi hỏi nhà trường không ngừng cải tiến chất lượng nhằm thu hút trẻ.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường

2.1. Điểm mạnh.

- Nhà trường có tầm nhìn chiến lược lâu dài, có định hướng và có các kế hoạch cụ thể, phù hợp với thực trạng của đơn vị qua từng giai đoạn để xây dựng và phát triển nhà trường làm việc khoa học, sáng tạo.

- Công tác tuyên truyền huy động trẻ ra lớp và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi được duy trì, nhiều năm liền đạt phổ cập GDMN

- Nhà trường đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Điều lệ trường mầm non. Triển khai và tổ chức thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non mới do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ từng bước được nâng cao chất lượng, hàng năm không có trường hợp ngộ độc thực phẩm và tai nạn xảy ra trong nhà trường. Trường xây dựng được cảnh quan, môi trường sư phạm luôn xanh, sạch, đẹp, thân thiện và an toàn.

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định, đảm bảo về cơ cấu để thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. Giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, có kiến thức, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ tốt, yêu nghề mến trẻ, nhiệt tình yên tâm công tác.

Hàng năm 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tỷ lệ giáo viên được xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hàng năm luôn đạt ít nhất 97,5% trở lên. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, học liệu tương đối đầy đủ và được khai thác sử dụng hiệu quả.

Năm 2011 trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và đạt tiêu chuẩn chất lượng cấp độ 3

Trong những năm học vừa qua, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chi bộ, Ban giám hiệu, sự đoàn kết, nỗ lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên; sự quan tâm, chỉ đạo của phòng GD&ĐT, của cấp ủy chính quyền địa phương và sự vào cuộc của các bậc phụ huynh, tập thể nhà trường đã đạt được nhiều thành tích. Năm 2024-2025 được UBND thành phố tặng giấy khen, tập thể lao động tiên tiến,

2.2. Điểm yếu

- Chất lượng giảng dạy của giáo viên chưa đồng đều: Một số giáo viên trẻ mới ra trường thiếu kinh nghiệm, chưa linh hoạt, sáng tạo trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ cũng như việc kết hợp với gia đình trẻ, một số giáo viên còn ngại đổi mới, việc áp dụng phương pháp dạy học theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm đạt hiệu quả chưa cao.

- Trình độ ngoại ngữ, tin học của cán bộ giáo viên cũng còn hạn chế nhất là những giáo viên lớn tuổi, đây là trở ngại lớn trong việc vận dụng những phương pháp dạy học tiên tiến.

- Trường có nhiều điểm lẻ vì vậy khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động chung. Việc đầu tư cơ sở vật chất còn dàn trải.

- Nhà trường còn thiếu các phòng chức năng, hai điểm trường Đá Bạc và Bạch Đằng còn thiếu phòng học.

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG.

1. Mục tiêu chung

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

2. Mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực giáo dục

2.1. Nhà trẻ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 18 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

2.1.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ;
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi;

- Có một số tổ chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể);
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay;
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

2.1.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh;
- Có sự nhạy cảm của các giác quan;
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản;
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

2.1.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ;
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu;
- Hồn nhiên trong giao tiếp.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói;

2.1.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi;
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi;
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt;
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

2.2. Mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ từ 3 tuổi đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

2.2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi;
- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh khỏe, khéo léo và bền bỉ;
- Thực hiện được vận động cơ bản vững vàng, đúng tư thế;
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian;
- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay;
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2.2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định;
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau;
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu;
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

2.2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày;
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...);
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày;
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện;
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với tuổi;

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

2.2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân;
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh;
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực;
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ;
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.2.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật;
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình;
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn, bảo vệ cái đẹp.

IV. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian

- Căn cứ Quyết định số: 3261/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh:

- Học kỳ I: + Ngày bắt đầu học kỳ từ 05/09/2024
 + Ngày kết thúc học kỳ: 10/01/2025
- Học kỳ II: + Ngày bắt đầu học kỳ từ 13/01/2025
 + Ngày kết thúc học kỳ: 23/05/2025

b) Chế độ sinh hoạt

* Chế độ sinh hoạt cho trẻ (24-26) tháng tuổi * Chế độ sinh hoạt cho trẻ MG

Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
7h00' – 7h45'	Đón trẻ, chơi	7h00' – 7h45'	Đón trẻ, chơi
7h45' – 8h20'	Thẻ đục sáng, điểm danh	7h45' – 8h30'	Thẻ đục sáng, điểm danh
8h20' – 10h00'	Chơi – tập	8h30' – 9h10'	Học
10h00' – 10h15'	Vệ sinh trước khi ăn	9h10' – 9h50'	Chơi, hoạt động ở các góc
10h15' – 11h15'	Ăn bữa chính 1	9h50' – 10h20'	Chơi ngoài trời
11h15' – 13h45'	Ngủ trưa	10h20' – 10h30'	Vệ sinh trước khi ăn
13h45' – 14h10'	Ăn bữa phụ	10h30' – 11h30'	Ăn bữa chính
14h10' – 15h00'	Chơi – tập	11h30' – 14h00'	Ngủ trưa
15h00' - 15h45'	Ăn bữa chính 2	14h00' – 14h30'	Ăn bữa phụ
15h45' - 16h30'	Chơi/trả trẻ	14h30' – 15h45'	Chơi, hoạt động theo ý thích
		15h45' – 16h30'	Về sinh trả trẻ

2. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi

2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

2.1.1. Tổ chức ăn

a. Độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng

Chế độ ăn	Số bữa ăn tại	Nhu cầu khuyến	Nhu cầu khuyến	Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng	Nước
-----------	---------------	----------------	----------------	------------------------------------	------

	trường	ngiht năng lượng/ ngày/trẻ	ngiht về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/t rẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)				uống
				P	L	G	
Cơm thường	Hai bữa chính và một bữa phụ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal	13 –20%	30 –40%	47 -50%	0,8- 1,6l

b. Độ tuổi mẫu giáo

Chế độ ăn	Số bữa ăn tại trường	Nhu cầu khuyến ngiht năng lượng/ ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến ngiht về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/t rẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)	Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng			Nướ c uống
				P	L	G	
Cơm thường	Một bữa chính và một bữa phụ	1230 – 1320 Kcal	615 - 726 Kcal	13 – 20%	25 – 35%	52 –60%	1,6 - 2,0l

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

2.1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

2.1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

2.1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Thực hiện tốt bảng kiểm theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD “Thông tư quy định về Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non”.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh.

2.2. Giáo dục

2.2.1. Độ tuổi 24-36 tháng (Có phụ lục kèm theo)

2.2.2. Độ tuổi 3-4 tuổi (Có phụ lục kèm theo)

2.2.3. Độ tuổi 4-5 tuổi (Có phụ lục kèm theo)

2.2.4. Độ tuổi 5-6 tuổi (Có phụ lục kèm theo)

3. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục¹

3.1. Các hoạt động giáo dục

3.1.1. Các hoạt động giáo dục nhà trẻ

a. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

b. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

c. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

d. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

e. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

3.1.2 Các hoạt động giáo dục mẫu giáo

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

Tổ chức một số hoạt động dịch vụ giáo dục chất lượng cao: dạy tiếng Anh giao tiếp với người nước ngoài, kỹ năng sống,...

- 100% trẻ 5 có khả năng quan sát và ghi nhớ có chủ định, hoàn thành CTGDMN, đạt phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- Tăng cường tiếp cận các chương trình, nội dung, phương pháp dạy học tiên tiến, hiện đại: ứng dụng phương pháp Montessori, Stem và các hoạt động giáo dục trẻ.

3.2. Hình thức tổ chức

3.2.1. hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ nhà trẻ

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6,...)).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

3.2.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục mẫu giáo

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Ngày thành lập QĐNDVN, Lễ hội mừng xuân - gói bánh díp Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3.3. Phương pháp giáo dục

3.3.1. Phương pháp giáo dục trẻ nhà trẻ

a. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

c. Nhóm phương pháp thực hành

*) *Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi*

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

*) *Trò chơi*

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

*) *Luyện tập*

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

d. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

e. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo

3.3.2. Phương pháp giáo dục mẫu giáo

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận

xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

3.4. Tổ chức môi trường giáo dục

3.4.1. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động cho trẻ nhà trẻ

3.4.1.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- + Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

- + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

3.4.1.2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

3.4.2. Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động cho trẻ mẫu giáo

3.4.2.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

3.4.2.2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

4. Đánh giá sự phát triển của trẻ

4.1. Đánh giá sự phát triển của trẻ nhà trẻ

4.1.1. Đánh giá trẻ hằng ngày

a. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

4.1.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

4.2. Đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

4.2.1. Đánh giá trẻ hằng ngày

a. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

4.2.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Thủy

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025 – 2026

(Theo Kế hoạch Chương trình Giáo dục mầm non số 362/KH-MNPN ngày
30/08/2025)

1. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Tay giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	Hoạt động học: - Đi theo hiệu lệnh đi đều. - Đi theo hiệu lệnh nhanh, chậm. - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi trong đường hẹp. - Đi trong đường hẹp có bề vật trên tay. - Đi bước vào các ô. - Đi kết hợp với chạy - Chạy theo hướng thẳng

			- Chạy đổi hướng. - Đứng co một chân - Bước lên xuống bậc cao 10 cm - Bước lên xuống bậc cao 15cm - Bước lên xuống bậc có vịn.
3	MT3	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	Hoạt động học: - Tung bắt bóng cùng cô (tung bóng lên cao bằng hai tay). - Tung bóng qua dây. - Tung bóng bằng 2 tay - Tung - bắt bóng cùng cô. (khoảng cách 1,2m - 1,5m) - Ném vào đích xa 1m - Ném vào đích xa 1,2 m
4	MT4	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	Hoạt động học: - Bò trong đường hẹp - Bò theo đường gấp khúc - Bò thẳng hướng - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản.
5	MT5	2.5 Trẻ biết thể hiện sức mạnh trong các vận động bật.	Hoạt động học: - Nhún bật tại chỗ. - Nhún bật về phía trước - Bật qua các ô - Bật qua các vòng - Bật xa bằng hai chân khoảng 15cm
6	MT6	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	Hoạt động học: - Ném xa - Chơi với bóng
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay			

7	MT7	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	Hoạt động khác: - Hướng dẫn trẻ múa khéo đơn giản.
8	MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	Hoạt động khác: - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón, nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Xâu chuỗi đeo cổ. - Chắp ghép hình. - Chồng xếp 6 - 8 khối. - Tập làm quen với cầm bút, tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
9	MT9	<i>Hình thành thói quen sử dụng bàn tay phục vụ bản thân</i>	Hoạt động khác: - Tập cầm thìa xúc cơm. - Cầm cốc uống nước. - Cởi/mặc quần áo đơn giản với sự giúp đỡ
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt			
10	MT10	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động khác: Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Khuyến khích trẻ ăn hết xuất của mình. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống
11	MT11	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	Hoạt động khác: - Thường xuyên rèn luyện thói quen ngủ một giấc trưa cho trẻ. Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
12	MT12	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	Hoạt động khác: - Lịch sinh hoạt hàng ngày - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Đi theo nhu cầu của trẻ.

2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe			
13	MT13	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	Hoạt động khác: - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uồn
14	MT14	2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	Hoạt động khác: + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn			
15	MT15	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
16	MT16	<i>Trẻ biết nhờ sự giúp đỡ của người lớn khi gặp nguy hiểm</i>	Hoạt động khác: -Kêu gọi, tìm đến cô giáo, cha mẹ khi gặp sự cố hoặc khi muốn lấy đồ ngoài tầm với.
17	MT17	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh
4. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi			
18	MT18	<i>Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi</i> - <i>Cân nặng:</i> + <i>Trẻ trai: 11,3 - 18,3kg</i>	Hoạt động khác: - Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe theo định kỳ 2 lần/năm học.

		+ Trẻ gái: .10,8 - 18,1kg. - Chiều cao: + Trẻ trai: 88,7 - 103,5cm + Trẻ gái: .87,4 - 102,7cm	- Đo 3 lần/năm - Cân 3 lần / năm học - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ tăng trưởng.
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan			
19	MT19	1.1 Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động khác: - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm đồ vật ăn được để cảm nhận vị.
20	MT20	Trẻ biết dùng vị giác để phân biệt một số vị cơ bản	Hoạt động khác: Nếm để phân biệt chua – ngọt – mặn – nhạt.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi			
21	MT21	2.1. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	Hoạt động học: - Chơi và bắt chước được một số hành động quen thuộc của những người gần gũi: - Chơi với đồ chơi quen thuộc: Sờ, nắn đồ vật, đồ chơi - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.
22	MT22	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Hoạt động học: - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.(Bố, mẹ, anh, chị, em...). - Tình cảm của người thân với bé: Yêu

			thương, chăm sóc hàng ngày.
23	MT23	2.7 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	Hoạt động học: - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi: máy bay, tàu hỏa, ô tô...
24	MT24	2.8 Trẻ nhận biết đúng về hình dạng.	Hoạt động học: Nhận biết hình vuông, hình tròn. - Gọi tên hình, chọn hình theo yêu cầu
25	MT25	2.9 Trẻ nhận biết đúng về số lượng	Hoạt động học: Nhận biết số lượng 1 và nhiều (Từ 2 trở lên)
26	MT26	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	Hoạt động học: Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
27	MT27	2.4 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	Hoạt động học: - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
28	MT28	2.5 Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Màu đỏ, vàng, xanh.
29	MT29	2.6 Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Kích thước to - nhỏ. - Chỉ đồ chơi to- nhỏ Lấy, cất đồ vật to - nhỏ theo yêu cầu - Phân biệt to - nhỏ qua ngôn ngữ (nói) và hành động (giơ, chỉ, cất, lấy, chọn...)
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
30	MT30	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ	Hoạt động học: - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.

		chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Đưa ra các nhiệm vụ phù hợp để trẻ thực hiện. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
31	MT31	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	Hoạt động học: - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
32	MT32	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	Hoạt động học: - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Kể chuyện cho trẻ nghe - Đàm thoại về nội dung truyện. - Trẻ kể lại đoạn truyện đã được nghe nhiều lần có sự giúp đỡ của cô giáo. - Kể chuyện theo tranh. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu			
33	MT33	2.1. Phát âm rõ tiếng.	Hoạt động khác: - Phát âm các âm tiếng Việt. - Sửa phát âm của trẻ. - Nói to, đủ nghe, lễ phép. - Dạy trẻ giao tiếp có văn hóa.
34	MT34	2.3 Trẻ thích nghe và bắt chước các âm thanh.	Hoạt động học: - Nghe âm thanh của các đồ vật, con vật hoặc hiện tượng thiên nhiên. - Bắt chước các âm thanh.
35	MT35	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp	Hoạt động học: - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4

		đỡ của cô giáo.	tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
36	MT36	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Hoạt động học: - Dạy trẻ nói câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc
37	MT37	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	Hoạt động khác: - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng lời nói - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?,
38	MT38	3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	Hoạt động khác: - Trò chuyện với trẻ. - Cô nhắc trẻ nói to, đủ nghe. - Cô thường xuyên giáo dục trẻ lễ phép
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân			
39	MT39	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Hoạt động học: - Cho trẻ giới thiệu về mình. - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
40	MT40	1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.	Hoạt động khác: - Trò chuyện những điều thích và không thích. - Thể hiện điều mình thích và không thích qua lời nói, nét mặt, ánh mắt, điệu bộ... (vui, buồn).
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi			

41	MT41	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Hoạt động khác: - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi
42	MT42	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	Hoạt động khác: - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Soi gương và tự thể hiện các trạng thái cảm xúc. - Tô màu, dán các khuôn mặt có biểu cảm khác nhau. - Chơi các trò chơi giả bộ, phân vai.
43	MT43	2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	Hoạt động khác: - Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận qua nét mặt, cử chỉ; Cười, nói, ánh mắt vui vẻ... - Kể chuyện, đọc thơ, trò chuyện
44	MT44	2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	Hoạt động khác: - Bắt chước tiếng kêu các con vật. - Quan tâm đến các vật nuôi, gần gũi với con vật nuôi, yêu quý vật nuôi, bắt chước tiếng kêu, gọi con vật, thích ôm, bế con vật; chó, gà, mèo con...
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản			
45	MT45	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	Hoạt động khác: Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ă”;
46	MT46	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	Hoạt động khác: - Dạy trẻ chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ă - Chơi trò chơi giả bộ - Chơi thân thiện cạnh trẻ khác

47	MT47	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	Hoạt động khác: - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. không cản cầu bạn
48	MT48	3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	Hoạt động khác: - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh			
49	MT49	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
50	MT50	4.3 Trẻ thích nghe một số bài hát quen thuộc, gần gũi và hưởng ứng cùng cô	Hoạt động học: Hát một số bài hát đơn giản, gần gũi: Hát theo cô, hát cùng bạn, hát một mình - Vận động đơn giản theo nhạc bài hát: Vỗ tay, lắc lư, nghiêng người, động tác minh họa...
51	MT51	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	Hoạt động học: - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Tập phết hồ và dán các hình để tạo ra các sản phẩm có màu sắc. - Chơi với đất nặn, khuyến khích trẻ nặn thành sản phẩm. - Tập xếp hình: xếp chồng, xếp cạnh nhau... Hoạt động khác: - Xem tranh. ảnh

**THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Nhà trẻ 24-36 THÁNG : GỒM 10 CHỦ ĐỀ

Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 08/09/2025 – 22/5/2026

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Bé và các bạn	3	Tuần 1	08/9 - 12/9/2025	
			Tuần 2	15/9 - 19/9/2025	
			Tuần 3	22/9 - 26/9/2025	
2	Mẹ và những người thân yêu	4	Tuần 4	29/9 - 03/10/2025	Trung Thu: Thứ 2 ngày 6/10 (15/8 âm lịch) Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Thứ 2 ngày 20/10
			Tuần 5	06/10 - 10/10/2025	
			Tuần 6	13/10 - 17/10/2025	
			Tuần 7	20/10 - 24/10/2025	
3	Các cô các bác trong nhà trẻ	4	Tuần 8	27/10 - 31/10/2025	Ngày nhà giáo Việt Nam: Thứ 5 ngày 20/11
			Tuần 9	03/11 - 07/11/2025	
			Tuần 10	10/11 - 14/11/2025	
			Tuần 11	17/11 - 21/11/2025	
4	Đồ chơi của bé	3	Tuần 12	24/11 - 28/11/2025	
			Tuần 13	01/12 - 05/12/2025	
			Tuần 14	08/12 - 12/12/2025	
5	Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện nào ?	4	Tuần 15	15/12 - 19/12/2025	- Ngày thành lập QĐNDVN: Thứ 2 ngày 22/12
			Tuần 16	22/12 - 26/12/2025	
			Tuần 17	29/12 - 02/01/2026	
			Tuần 18	05/01 - 09/01/2026	- Kết thúc HK I: Ngày 09/01/2026 (Thứ 6)

6	Cây và những bông hoa đẹp	3	Tuần 19	12/01 - 16/01/2026	- Ngày 12/01/2026: Bắt đầu HKII (Thứ 2) - Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 20	19/01 - 23/01/2026	
			Tuần 21	26/01 - 30/01/2026	
7	Tết và mùa xuân	4	Tuần 22	02/02 - 06/02/2026	
			Tuần 23	09/02 - 13/02/2026	
Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02 - 28/02/2026					
			Tuần 24	02/03 - 6/03/2026	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 (Thứ 7)
			Tuần 25	09/03 - 13/3/2026	
8	Những con vật đáng yêu	4	Tuần 26	16/3 - 20/3/2026	
			Tuần 27	23/3 - 27/3/2026	
			Tuần 28	30/3 - 03/4/2026	
			Tuần 29	06/4 - 10/4/2026	
9	Thiên nhiên quanh bé	3	Tuần 30	13/4 - 17/4/2026	Giỗ Tổ HùngVương 26/4/2026 Nghỉ Lễ 30/4, 1/5 (Thứ 5, 6)
			Tuần 31	20/4 - 24/4/2026	
			Tuần 32	27/4 - 01/5/2026	
10	Bé lên mẫu giáo	3	Tuần 33	04/4 - 08/5/2026	- Sinh nhật Bác (19/5) -Kết thúc học kỳ II: 22/5/2026 (Thứ 6)
			Tuần 34	11/5 - 15/5/2026	
			Tuần 35	18/5 - 22/5/2026	

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT



Bùi Thị Thủy

Yên Tử, ngày 30 tháng 8 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Phiên

2. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi mẫu giáo 3-4 tuổi

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Hoạt động khác: * Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Cúi về phía trước. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m.	Hoạt động học: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m.
3	MT3	Trẻ thực hiện được thao tác bật- nhảy; giữ được thăng bằng khi bật	Hoạt động học: + Bật nhảy tại chỗ

			+ Bật tiến về phía trước + Bật xa 20-25 cm + Bật qua vật cản
4	MT4	2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dẫn) không chệch ra ngoài.	Hoạt động học: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dẫn) không chệch ra ngoài.
5	MT5	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	Hoạt động học: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)
6	MT6	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	Hoạt động học: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
7	MT7	3.1. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	Hoạt động học: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.
8	MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:	Hoạt động học: - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Xé, dán giấy.

		- Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	- Sử dụng kéo, bút. Hoạt động khác: - Đan, tết. - xếp Chồng các Hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - sử dụng kéo, bút. - cài, cởi cúc. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
9	MT9	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	Hoạt động học: - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
10	MT10	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	Hoạt động học: - Tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... - Một số món ăn vật lành mạnh
11	MT11	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động học: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
12	MT12	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng.	Hoạt động khác: - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ,

		- Tháo tất, cởi quần, áo...	vệ sinh. - Tháo tất, cởi quần, áo - Diễm đạt nhu cầu cá nhân - Ký hiệu cá nhân. - Ngủ đúng giờ, đủ giấc
13	MT13	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	Hoạt động khác: - Sử dụng bát, thìa cốc đúng cách.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
14	MT14	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	Hoạt động khác: - Hành vi văn minh trong ăn, uống, sinh hoạt hàng ngày (Uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát). - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa.
15	MT15	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	Hoạt động khác: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
16	MT16	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc	Hoạt động học: - Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm như: Bàn là, bếp đang đun, phích

		nhỏ.	nước nóng...
17	MT17	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Nhận biết và phòng tránh một số khu vực nguy hiểm, những nơi không an toàn. - Khu vực an toàn trường học, nơi lánh nạn khi có thiên tai
18	MT18	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	Hoạt động khác: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
19	MT19	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	Hoạt động khác: - Tò mò, thích quan sát các sự vật, hiện tượng. - Thích đặt các câu hỏi vì sao? Thế nào ? Đây là con gì ? Cái gì ? - Chờ đợi các câu trả lời của người lớn. - Tích cực hoạt động với các đồ vật: Cầm , nắm, sờ mó... - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
20	MT20	• <i>Trẻ biết quan sát, chú ý và nhận ra một số đặc điểm nổi bật của sự vật, hiện tượng quen thuộc (màu sắc, hình dạng, kích thước, âm thanh, mùi vị...).</i>	Khám phá hiện tượng • Tìm hiểu một số hiện tượng tự nhiên gần gũi: mưa, nắng, gió, ban ngày – ban đêm.

			Cảm nhận sự thay đổi trong môi trường xung quanh: nước nóng – lạnh, quả chín – xanh.
21	MT21	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động học: - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
22	MT22	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	Hoạt động khác: - Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. - Chong chóng gió, thổi bóng xà phòng...
23	MT23	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	Hoạt động khác: - Làm một số thí nghiệm đơn giản. - Xem sách, tranh ảnh trò chuyện.
24	MT24	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	Hoạt động học: Phân loại đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông, con vật, cây, rau, quả theo một dấu hiệu.
25	MT25	<i>Trẻ làm quen và nhận biết một số đặc điểm, cấu tạo, cách sử dụng đơn giản một số ứng dụng công nghệ thông tin.</i>	Hoạt động học: - Trẻ biết được một vài đặc điểm máy tính bàn, thao tác đơn giản với tivi thông minh có tại lớp. - Máy tính bàn gồm có: chuột máy tính, màn hình máy tính, thân máy tính, bàn phím máy tính.

			- Trẻ thực hiện thao tác đơn giản với tí vi thông minh, vẽ cây, hoa, quả...Xóa khi không thích.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
26	MT26	2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	Hoạt động học: - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng - Cách chăm sóc, bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
27	MT27	<i>Bước đầu hình thành kỹ năng so sánh, phân loại đơn giản (to – nhỏ, dài – ngắn, cứng – mềm, nặng – nhẹ).</i>	Hoạt động khác: - Thí nghiệm đơn giản: thả đồ vật xuống nước để xem nổi – chìm, nghe âm thanh từ các vật khác nhau. - Tham gia chăm sóc cây, cho vật nuôi ăn.
28	MT28	<i>Trẻ được tiếp cận qua phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.</i>	Hoạt động học: - Các hoạt động trải nghiệm, khám phá qua phương pháp giáo dục STEM, EDP. STEAM. + Trẻ làm một số thí nghiệm đơn giản... + Hoạt động vui chơi: hoa nở trong nước, trứng chìm trứng nổi.....
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
29	MT29	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	Hoạt động học: - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
30	MT30	<i>Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết về sự vật, hiện tượng, con người, sự việc xung quanh bằng nhiều hình thức khác</i>	Hoạt động khác: - Trẻ kể lại điều đã quan sát, trải nghiệm bằng lời nói (miêu tả đồ vật, hiện tượng, con vật, con người).

		<i>nhau.</i>	- Trẻ trả lời được câu hỏi của cô, bạn về đối tượng quen thuộc. - Chơi đóng vai, bắt chước hoạt động của con người, con vật, phương tiện. - Sử dụng đồ chơi, vật liệu để tái hiện đối tượng (xếp hình cái nhà, xây công
31	MT31	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	Hoạt động khác: - Chơi hoạt động góc, qua các trò chơi vận động. - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...) - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
32	MT32	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	Hoạt động học: - Tận dụng mọi cơ hội cho trẻ đếm mọi lúc mọi nơi. - Gợi ý cho trẻ hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.
33	MT33	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	Hoạt động học: - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
34	MT34	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	Hoạt động học: - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.
35	MT35	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	Hoạt động học: - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
36	MT36	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong	Hoạt động học:

		phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
2. Sắp xếp theo qui tắc			
37	MT37	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Hoạt động học: - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.
3. So sánh hai đối tượng			
38	MT38	3. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	Hoạt động học: - So sánh 2 đối tượng về kích thước.
4. Nhận biết hình dạng			
39	MT39	4. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	Hoạt động học: - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
40	MT40	5. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Hoạt động học: - Nhận biết phía trên - phía dưới; phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
41	MT41	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
42	MT42	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	Hoạt động học: - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.
43	MT43	1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Hoạt động học: - Địa chỉ gia đình.

44	MT44	1.4. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. Hoạt động khác: - Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
45	MT45	2. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	Hoạt động học: - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Dự báo thời tiết, vệ sinh môi trường...
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
46	MT46	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	Hoạt động học: - Ngày khai giảng, tết trung thu. - Ngày lễ hội của địa phương.
47	MT47	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	Hoạt động học: - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh

			lam, thẳng cánh, ngày lễ hội của địa phương.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
48	MT48	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	Hoạt động học: - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
49	MT49	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	Hoạt động học: - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
50	MT50	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Hoạt động khác: - Trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
51	MT51	2.1. Nói rõ các tiếng.	Hoạt động học: - Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
52	MT52	<i>Trẻ làm quen với tiếng anh, nói được một số từ đơn giản</i>	Hoạt động khác: Trẻ được thực hành nói một số câu tiếng anh đơn giản trong giao tiếp như: hello, thank you, goodbye...
53	MT53	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	Hoạt động khác: - Mô tả lại sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.
54	MT54	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	Hoạt động học: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
55	MT55	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	Hoạt động học: - Kể lại sự việc. - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
56	MT56	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca	Hoạt động học:

		dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Giải được một số câu đố đơn giản về con vật, sự vật gần gũi quen thuộc
57	MT57	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	Hoạt động học: - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ.
58	MT58	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	Hoạt động học: - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
59	MT59	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	Hoạt động khác: - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
60	MT60	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	Hoạt động khác: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
3. Làm quen với đọc, viết			
61	MT61	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	Hoạt động khác: - Tiếp xúc với chữ, sách truyện.
62	MT62	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	Hoạt động khác: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
63	MT63	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	Hoạt động khác: - Vẽ, “viết” nguệch ngoạc.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
64	MT64	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính.
65	MT65	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	Hoạt động học: - Những điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
66	MT66	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	Hoạt động khác: - Tham gia các trò chơi.

67	MT67	<i>Có khả năng bày tỏ ý kiến, mong muốn của bản thân với người lớn và bạn bè.</i>	- Kể về bản thân thông qua những câu hỏi gợi mở của cô - Dám nói lên điều mình thích/không thích. - Biết đề nghị cô, bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Thể hiện cảm xúc vui, buồn, hài lòng, chưa hài lòng bằng lời nói hoặc hành động phù hợp.
68	MT68	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...).	Hoạt động học: - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao: Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
69	MT69	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	Hoạt động học: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
70	MT70	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	Hoạt động học: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động
71	MT71	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	Hoạt động học: - Hình ảnh của Bác. - Kính yêu Bác Hồ.
72	MT72	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	Hoạt động học: - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Nghe kể chuyện, nghe hát đọc thơ về Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
73	MT73	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ	Hoạt động khác: - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề

		chơi, vâng lời bố mẹ.	đường).
74	MT74	<i>Trẻ làm quen với các hình thức, dấu hiệu bị bạo hành và xâm hại và kỹ năng phòng tránh</i>	Hoạt động học: - Làm quen với các hình thức bạo hành phổ biến (Thể chất, tinh thần...) - Làm quen với các dấu hiệu bạo hành phổ biến (Cơ thể, sợ hãi, thái độ, tâm lý...) - Phản ứng khi bị đánh, mắng ... - Khuyến khích trẻ kể về hoạt động hằng ngày - Dạy trẻ không lên dữ bí mật khi bị đe dọa - Kỹ năng xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm
75	MT75	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi “đúng” – “sai”, “tốt”- “xấu”.
76	MT76	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Hoạt động học: - Lắng nghe cô và bạn nói.
77	MT77	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	Hoạt động khác: - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. - Giúp đỡ bạn cùng chơi
5. Quan tâm đến môi trường			
78	MT78	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	Hoạt động khác: - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Tích cực tham gia các trò chơi, hoạt động về môi trường (trồng cây, dọn dẹp lớp). - Vẽ, kể chuyện, hát... thể hiện tình yêu thiên nhiên.
79	MT79	<i>Hình thành tình cảm yêu quý thiên nhiên, mong muốn được tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.</i>	
80	MT80	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	Hoạt động khác: - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Tiết kiệm điện, nước.
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
81	MT81	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
82	MT82	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	Hoạt động học: Hoạt động học: - Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
83	MT83	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (Về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
84	MT84	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	Hoạt động học: - Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát.
85	MT85	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	Hoạt động học: - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
86	MT86	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản	Hoạt động học: - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để

		phẩm theo sự gợi ý.	tạo ra các sản phẩm - Sử dụng một số kĩ năng lựa chọn màu, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản
87	MT87	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
88	MT88	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	Hoạt động học: Sử dụng một số kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
89	MT89	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	Hoạt động học: - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối
90	MT90	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
91	MT91	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn
92	MT92	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	Hoạt động học: - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
93	MT93	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	Hoạt động học: - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm - Sử dụng một số kĩ năng lựa chọn màu, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản
94	MT94	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm đơn giản.
95	MT95	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
96	MT96	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn	Hoạt động học:

		dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối
97	MT97	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
98	MT98	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
99	MT99	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: - Vận động đơn giản theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc
100	MT100	<i>Bước đầu biết sáng tạo, biến đổi trong cách hát, vận động hoặc tạo ra sản phẩm nghệ thuật theo khả năng.</i>	Hoạt động khác: - Vận động theo nhạc với các động tác sáng tạo, không rập khuôn. - Biết sử dụng nhạc cụ gõ đơn giản để tạo nhịp hoặc âm thanh theo ý tưởng. - Biết thể hiện cảm xúc vui, buồn, nhẹ nhàng qua hát, múa. - Bước đầu biết sáng tạo, biến đổi trong cách hát, vận động hoặc tạo ra sản phẩm nghệ thuật theo khả năng.
101	MT101	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Hoạt động học: - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
102	MT102	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2025 - 2026
MẪU GIÁO 3-4 TUỔI : GỒM 10 CHỦ ĐỀ
Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 08/9/2025 – 22/5/2026

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Trường Mầm non	3	Tuần 1	08/9 - 12/9/2025	
			Tuần 2	15/9 - 19/9/2025	
			Tuần 3	22/9 - 26/9/2025	
2	Gia đình	4	Tuần 4	29/9 - 03/10/2025	Trung Thu: Thứ 2 ngày 6/10 (15/8 âm lịch) Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Thứ 2 ngày 20/10
			Tuần 5	06/10 - 10/10/2025	
			Tuần 6	13/10 - 17/10/2025	
			Tuần 7	20/10 - 24/10/2025	
3	Bản thân	3	Tuần 8	27/10 - 31/10/2025	
			Tuần 9	03/11 - 07/11/2025	
			Tuần 10	10/11 - 14/11/2025	
4	Giao thông	4	Tuần 11	17/11 - 21/11/2025	Ngày nhà giáo Việt Nam: Thứ 5 ngày 20/11
			Tuần 12	24/11 - 28/11/2025	

			12		
			Tuần 13	01/12 - 05/12/2025	
			Tuần 14	08/12 - 12/12/2025	
5	Nghề nghiệp	4	Tuần 15	15/12 - 19/12/2025	- Ngày thành lập QĐNDVN: Thứ 2 ngày 22/12
			Tuần 16	22/12 - 26/12/2025	
			Tuần 17	29/12 - 02/01/2026	
			Tuần 18	05/01 - 09/01/2026	- Kết thúc HK I: Ngày 09/01/2026 (Thứ 6)
6	Thế giới Thực vật	4	Tuần 19	12/01 - 16/01/2026	- Ngày 12/01/2026: Bắt đầu HKII (Thứ 2) - Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 20	19/01 - 23/01/2026	
			Tuần 21	26/01 - 30/01/2026	
			Tuần 22	02/02 - 06/02/2026	
		3	Tuần 23	09/02 - 13/02/2026	
Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02 - 28/02/2026					
	Tết và mùa xuân		Tuần 24	02/03 - 6/03/2026	
			Tuần 25	09/03 - 13/3/2026	
8	Thế giới động vật	4	Tuần 26	16/3 - 20/3/2026	
			Tuần 27	23/3 - 27/3/2026	
			Tuần	30/3 - 03/4/2026	

			28		
			Tuần 29	06/4 - 10/4/2026	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3	Tuần 30	13/4 - 17/4/2026	<i>Giỗ Tổ Hùng Vương 26/4/2026 Nghỉ Lễ 30/4, 1/5 (Thứ 5, 6)</i>
			Tuần 31	20/4 - 24/4/2026	
			Tuần 32	27/4 - 01/5/2026	
10	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	3	Tuần 33	04/4 - 08/5/2026	<i>- Sinh nhật Bác (19/5) - Kết thúc học kỳ II: 22/5/2026 (Thứ 6)</i>
			Tuần 34	11/5 - 15/5/2026	
			Tuần 35	18/5 - 22/5/2026	

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Thủy

Yên Tử, ngày 30 tháng 8 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Phiên

3. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi mẫu giáo 4-5 tuổi

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Nhún chân. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế	Hoạt động học: - Đi trên ghế thể dục (đầu đội túi cát) - Đi bước dòn trước

		thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	- bước dồn ngang - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Những chú kiến tha mồi
3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	Hoạt động học: - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh.
4	MT4	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	Hoạt động học: - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném trúng đích bằng 1 tay.
5	MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích đặc (3 - 4 điểm đích đặc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	Hoạt động học: + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích đặc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.
6	MT6	<i>Trẻ thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động Bật-nhảy</i>	Hoạt động học: - Bật nhảy + Bật liên tục về phía trước + Bật xa 35-40cm + Bật- nhảy từ trên cao xuống 30-35 cm + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô + Bật qua vật cản cao 10-15cm + Nhảy lò cò 3m

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
7	MT7	3.1. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	Hoạt động khác: - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...
8	MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	Hoạt động khác: - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
9	MT9	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	Hoạt động học: - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin.
10	MT10	<i>Trẻ nhận biết món ăn lành mạnh và có lợi cho sức khỏe</i>	Hoạt động học: - Món ăn vặt lành mạnh - Ăn uống đầy đủ, hợp lý và lành mạnh, cân đối: thử thức ăn mới, uống nhiều nước, ăn sáng, đồ ăn lành mạnh khi đi ăn ở ngoài... - Từ chối thực phẩm không lành mạnh
11	MT11	1.2. Nói được tên một	Hoạt động học:

		số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến: rau luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo..... - Tên một số món ăn: luộc, xào có lợi cho sức khỏe khi thay đổi thời tiết; - Một số thức ăn đơn giản, món ăn vặt lành mạnh, món ăn không có lợi cho sức khỏe, cách bảo quản món ăn/.
12	MT12	1.3. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	Hoạt động khác: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Ăn uống đầy đủ hợp lý và lành mạnh cân đối: Thử thức ăn mới, uống nhiều nước, ăn sáng, đồ ăn lành mạnh khi đi ăn ở ngoài... - Từ chối thực phẩm không lành mạnh
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
13	MT13	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	Hoạt động khác: - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Ngủ đúng giờ, ngủ đủ giấc theo quy định
14	MT14	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	Hoạt động khác: + Cầm cốc, rót nước + Xúc cơm
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
15	MT15	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.	Hoạt động khác: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn

		- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	khác nhau... - Không uống nước lã. - Phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn.
16	MT16	<i>Nhận biết nguyên nhân, dấu hiệu nhận biết và cách phòng tránh một số bệnh đang phổ biến hiện tại</i>	Hoạt động học: - Nhận biết một số biểu hiện sốt, ho... - Chấp hành tiêm phòng - Tuân thủ quy tắc phòng bệnh
17	MT17	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	Hoạt động khác: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
18	MT18	4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	Hoạt động học: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
19	MT19	4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	Hoạt động học: - Nơi nguy hiểm: + Hồ. + Ao. + Bể chứa nước.

			+ Hổ vôi
20	MT20	4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	Hoạt động khác: - Không cưỡi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.. - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
21	MT21	4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	Hoạt động khác: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
22	MT22	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo	Hoạt động khác: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Quan sát, chú ý đến những thay đổi của sự

		như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo ?”; “Vì sao lá cây bị ướn ?”... - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm	
23	MT23	<i>Trẻ được làm quen một vài cách sử dụng đơn giản công nghệ thông tin: Máy tính, thiết bị đồ dùng, đồ chơi thông minh</i>	Hoạt động học: - Máy tính: chuột máy tính, màn hình máy tính, thân máy tính, bàn phím máy tính, cách sử dụng..... - Thiết bị thông minh: Trẻ thực hiện thao tác đơn giản với ti vi thông minh, vẽ cây, hoa, quả, trò chơi, Xóa khi không thích.....
24	MT24	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	Hoạt động học: - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
25	MT25	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con

			vật và cây.
26	MT26	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	Hoạt động học: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
27	MT27	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	Hoạt động học: - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
28	MT28	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	Hoạt động khác: - Làm một số thí nghiệm về nước: tính chất của nước, một vài chất tan trong nước; vật chìm vật nổi, Quả trứng kì diệu, Biến đổi màu sắc.
29	MT29	<i>Trẻ được tiếp cận qua phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.</i>	Hoạt động học: - Các hoạt động trải nghiệm, khám phá qua phương pháp giáo STEM; EDP, STEAM. + Trẻ làm một số thí nghiệm đơn giản... + Hoạt động vui chơi: hoa nở trong nước, trứng chìm trứng nổi.....
30	MT30	2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	Hoạt động học: Giấy có thể đi dưới nước mà không bị ướt không?; Trứng gà trong nước (có muối và không có muối)?; Làm thế nào để một vật có thể nổi? - Điều gì xảy ra nếu bạn đặt một đồng xu trong một cốc nước đầy? Cái gì sẽ tan ở trong nước?; Các lớp chất lỏng;
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			

31	MT31	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động học: - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Các giai đoạn phát triển của bé. Hoạt động khác: - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - Một số loại rau, - Một số loại cây. - Quá trình phát triển của cây từ hạt - Vòng đời phát triển của bướm - Phân biệt một số loại PTGT.
32	MT32	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Hoạt động học: - Nhận biết được đối tượng qua hoạt động tạo hình âm nhạc
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
33	MT33	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	Hoạt động học: - Thích đếm các vật ở xung quanh. - Phát hiện chữ số ở môi trường xung quanh trẻ. - Hứng thú tham gia các hoạt động đếm số lượng, chữ số ở lớp.
34	MT34	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	Hoạt động học: - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 - Đếm theo khả năng.
35	MT35	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng	Hoạt động học: - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10.

		các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
36	MT36	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	Hoạt động học: - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
37	MT37	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	Hoạt động học: - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
38	MT38	1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Hoạt động học: * Làm quen với tập hợp, số lượng, số thứ tự và số đếm: - Đếm số lượng:
39	MT39	1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Hoạt động học: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
2. Sắp xếp theo qui tắc			
40	MT40	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	Hoạt động học: - Xếp tương ứng 1 - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. -1, ghép đôi.
3. So sánh hai đối tượng			
41	MT41	3. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	Hoạt động học: - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
4. Nhận biết hình dạng			
42	MT42	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,).	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
43	MT43	4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các	Hoạt động học:

		hình đơn giản.	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
44	MT44	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Hoạt động học: - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - Phía sau; phía trên - Phía dưới; phía phải - Phía trái).
45	MT45	5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Hoạt động học: - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
46	MT46	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
47	MT47	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Hoạt động học: - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
48	MT48	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Nói được địa chỉ của gia đình mình. (Số nhà, đường phố, thôn xóm) khi được hỏi, trò chuyện
49	MT49	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
50	MT50	1.5. Nói tên, một số	Hoạt động học:

		công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
51	MT51	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
52	MT52	2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
53	MT53	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Hoạt động học: - Tên gọi, đặc điểm, các hoạt động của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa nơi trẻ sống: khai giảng, Tết Trung thu, Tết thiếu nhi; ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày sinh nhật Bác, Tết Nguyên đán, ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; Ngày 22/12; Ngày giỗ tổ Hùng Vương...
54	MT54	<i>Trẻ hiểu biết và tham gia sự kiện, hoạt động cộng đồng</i>	- Làm quen với một số sự kiện, hoạt động mới: Thiện nguyện, dâng hương liệt sĩ.... - Làm quen với các hoạt động trong sự kiện, trong hoạt động cộng đồng. Hoạt động khác: - Dạy trẻ biết cùng cô và các bạn chuẩn bị đồ dùng cần thiết cho ngày lễ/ ngày hội/ hội thi. - Hợp tác với nhau cùng mô phỏng lại các sự kiện, các hoạt động cộng đồng được làm quen
55	MT55	<i>Trẻ có một số hiểu biết về cờ Tổ quốc, Quốc ca</i>	Hoạt động học: Tìm hiểu lá cờ Tổ quốc và Quốc ca, hát

		<i>Việt Nam, đất nước, thủ đô, thành phố.</i>	nước, thủ đô...
56	MT56	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	Hoạt động học: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở địa phương: Chùa Yên tử, Chùa Hang Sơn. Chùa Ba Vàng. - Khám phá vịnh Hạ Long, Thủ đô Hà Nội, qua các hoạt động. - Cảnh đẹp quê hương.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
57	MT57	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	Hoạt động học: - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. Hoạt động khác: - Nhận biết được thái độ, tình cảm qua ngữ điệu, giọng nói.
58	MT58	<i>Nhận biết và phản hồi phù hợp với câu hỏi, lời nói đơn giản và phức hợp.</i>	- Phản ứng phù hợp với lời khen, lời nhờ giúp đỡ, lời nhắc nhở. - Hiểu được câu nói dài có từ 6–8 từ.
59	MT59	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	Hoạt động học: - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm: rau quả, con vật, đồ gỗ...
60	MT60	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	Hoạt động học: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
61	MT61	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	Hoạt động học:

62	MT62	<i>Phát triển vốn từ, cách diễn đạt và ngữ điệu trong giao tiếp.</i>	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. Hoạt động khác: - Biết xưng hô phù hợp với người lớn, bạn bè. - Biết nói lời nhờ vả, đề nghị, từ chối một cách lịch sự.
63	MT63	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	Hoạt động khác: - Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...trong giao tiếp.
64	MT64	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Hoạt động khác: - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu, hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau: Câu đơn, câu phủ định... - Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày. - Trả lời được các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?”.
65	MT65	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.	Hoạt động học: - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Kể lại truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
66	MT66	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Hoạt động học: - Đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, hò vè.
67	MT67	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	Hoạt động học: - Kể lại câu chuyện đã được nghe có mở đầu, kết thúc.
68	MT68	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	Hoạt động khác: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. - Đóng kịch.

			- Diễn rối.
69	MT69	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	Hoạt động khác: - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp (VD: Vâng ạ, dạ, thưa, cảm ơn, xin lỗi, mời cô, mời bạn).
70	MT70	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
3. Làm quen với đọc, viết			
71	MT71	3.1. Chọn sách để xem.	Hoạt động khác: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
72	MT72	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Hoạt động khác: - Xem tranh, mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. - Đóng kịch. - Diễn rối.
73	MT73	3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	Hoạt động khác: - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
74	MT74	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	Hoạt động khác: - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sử dụng kí hiệu để “Viết” tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.
75	MT75	3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	Hoạt động khác: - Làm quen với cách viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Nhận dạng một số chữ cái.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			

1. Thể hiện ý thức về bản thân			
76	MT76	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	Hoạt động khác: - Tên, tuổi, giới tính.
77	MT77	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Hoạt động học: - Sở thích, khả năng của bản thân.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
78	MT78	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Hoạt động học: - Tự chọn đồ chơi, trò chơi bé thích. - Chơi các trò chơi, các tình huống để trải nghiệm khám phá về bản thân.
79	MT79	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	Hoạt động khác: - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). - Đội mũ bảo hiểm - Lên/xuống xe máy an toàn - Quyết nhà - Lau sàn nhà - Gấp quần áo - Gấp chăn nhỏ - Hoa quả dầm - Nhặt rau
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
80	MT80	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Hoạt động học: - Một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói qua tiếp xúc trực tiếp hoặc tranh ảnh.
81	MT81	<i>Trẻ có thái độ yêu thương, quan tâm, chia sẻ với bạn bè, người thân và môi trường sống</i>	Hoạt động khác: - Biết chia sẻ đồ chơi, giúp đỡ bạn trong sinh hoạt, học tập. - Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi khi cần thiết.

			- Thích tham gia hoạt động gắn bó, hợp tác với bạn bè và người lớn.
82	MT82	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Hoạt động khác: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
83	MT83	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	Hoạt động học: - Hình ảnh của Bác. - Lăng Bác Hồ.
84	MT84	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Hoạt động học: - Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ.
85	MT85	3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	Hoạt động học: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp của quê hương, lễ hội của quê hương, đất nước.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
86	MT86	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	Hoạt động khác: - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
87	MT87	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Hoạt động khác: - Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - Phân biệt một số hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.
88	MT88	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Hoạt động khác: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép
89	MT89	4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Chờ đến lượt, hợp tác khi tham gia vào các

			hoạt động.
90	MT90	4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	Hoạt động khác: - Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung. - Quan tâm, giúp đỡ bạn.
91	MT91	<i>Trẻ làm quen với các hình thức, dấu hiệu bị bạo hành và xâm hại và kỹ năng phòng tránh</i>	Hoạt động học: - Làm quen với các hình thức bạo hành phổ biến (Thể chất, tinh thần...) - Làm quen với các dấu hiệu bạo hành phổ biến (Cơ thể, sợ hãi, thái độ, tâm lý...) - Phản ứng khi bị đánh, mắng ... - Khuyến khích trẻ kể về hoạt động hằng ngày - Dạy trẻ không lên dữ bí mật khi bị đe dọa - Kỹ năng xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm
5. Quan tâm đến môi trường			
92	MT92	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động khác: - Chăm sóc cây, con vật quen thuộc. - Giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định. - Không bẻ cành bứt hoa - Tiết kiệm điện, nước: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt điện khi ra khỏi phòng.
93	MT93	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	Hoạt động khác: - Giữ gìn vệ sinh môi trường
94	MT94	5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	Hoạt động khác: - Chăm sóc cây, hoa, không bứt lá, bẻ cành
95	MT95	5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	Hoạt động học: - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Cách bảo vệ nguồn nước
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
96	MT96	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
97	MT97	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	Hoạt động khác: - Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe kể câu chuyện.
98	MT98	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Hoạt động khác: - Ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
99	MT99	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	Hoạt động học: - Hát đúng giai điệu và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát. - Hát đúng lời ca của các bài hát phù hợp với lứa tuổi.
100	MT100	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	Hoạt động học: - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Vỗ tay, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu chậm. - Sử dụng các dụng cụ theo theo nhịp, tiết

			tầu chậm.
101	MT101	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Hoạt động học: - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
102	MT102	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Hoạt động học: - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
103	MT103	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Hoạt động khác: Xé, cắt, dán tạo thành sản phẩm có màu sắc, bố cục
104	MT104	2.6. Làm lốm, đồ bột, bẻ, loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Hoạt động học: - Sử dụng các kỹ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
105	MT105	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Hoạt động học: Sử dụng phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
106	MT106	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét
107	MT107	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Hoạt động học: - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
108	MT108	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Hoạt động học: - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
109	MT109	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có	Hoạt động học: Xe, cắt, dán tạo thành sản phẩm có màu sắc, bố cục

		màu sắc, bố cục.	
110	MT110	2.6. Làm lõm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Hoạt động học: - Sử dụng các kỹ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
111	MT111	2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Hoạt động học: Sử dụng phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
112	MT112	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
113	MT113	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Hoạt động học: - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
114	MT114	3.2. Lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Hoạt động học: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
115	MT115	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Hoạt động khác: - Làm đồ chơi - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
116	MT116	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2025 - 2026
MẪU GIÁO 4-5 TUỔI : GỒM 10 CHỦ ĐỀ
Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 08/9/2025 – 22/5/2026

TT	Tên chủ đề	Số tuần / chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Trường Mầm non	3	Tuần 1	08/9 - 12/9/2025	
			Tuần 2	15/9 - 19/9/2025	
			Tuần 3	22/9 - 26/9/2025	
2	Gia đình	4	Tuần 4	29/9 - 03/10/2025	Trung Thu: Thứ 2 ngày 6/10 (15/8 âm lịch) Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Thứ 2 ngày 20/10
			Tuần 5	06/10 - 10/10/2025	
			Tuần 6	13/10 - 17/10/2025	
			Tuần 7	20/10 - 24/10/2025	
3	Bản thân	3	Tuần 8	27/10 - 31/10/2025	
			Tuần 9	03/11 - 07/11/2025	
			Tuần 10	10/11 - 14/11/2025	
4	Giao thông	4	Tuần 11	17/11 - 21/11/2025	Ngày nhà giáo Việt Nam: Thứ 5 ngày 20/11
			Tuần 12	24/11 - 28/11/2025	
			Tuần 13	01/12 - 05/12/2025	
			Tuần 14	08/12 - 12/12/2025	
	Nghề nghiệp	4	Tuần 15	15/12 - 19/12/2025	- Ngày thành lập QĐNDVN: Thứ 2

5			Tuần 16	22/12 - 26/12/2025	<i>ngày 22/12</i>
			Tuần 17	29/12 - 02/01/2026	
			Tuần 18	05/01 - 09/01/2026	
6	Thế giới Thực vật	4	Tuần 19	12/01 - 16/01/2026	- Ngày 12/01/2026: Bắt đầu HKII (Thứ 2) - Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 20	19/01 - 23/01/2026	
			Tuần 21	26/01 - 30/01/2026	
			Tuần 22	02/02 - 06/02/2026	
		3	Tuần 23	09/02 - 13/02/2026	
Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02 - 28/02/2026					
	Tết và mùa xuân		Tuần 24	02/03 - 6/03/2026	
			Tuần 25	09/03 - 13/3/2026	
8	Thế giới động vật	4	Tuần 26	16/3 - 20/3/2026	
			Tuần 27	23/3 - 27/3/2026	
			Tuần 28	30/3 - 03/4/2026	
			Tuần 29	06/4 - 10/4/2026	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3	Tuần 30	13/4 - 17/4/2026	Giỗ Tổ Hùng Vương 26/4/2026 Nghỉ Lễ 30/4, 1/5 (Thứ 5, 6)
			Tuần 31	20/4 - 24/4/2026	
			Tuần 32	27/4 - 01/5/2026	
			Tuần 33	04/4 - 08/5/2026	

10	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	3	Tuần 34	11/5 - 15/5/2026	- Sinh nhật Bác (19/5) -Kết thúc học kỳ II: 22/5/2026 (Thứ 6)
			Tuần 35	18/5 - 22/5/2026	

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH



Bùi Thị Thủy

Yên Tử, ngày 30 tháng 8 năm 2025
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Phiên

5. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Hoạt động học: Hoạt động học: Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Các động tác phát triển cơ bụng, lưng: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Các động tác phát triển cơ chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động			
2	MT2	Chuẩn 1: Trẻ em có thể lực để tham gia	Hoạt động khác: - Đi trên dây (Dây đặt trên sàn);

		<i>tích cực hoạt động. Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi (Không cần nhắc nhở) (CS1)</i>	- Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong 10 giây. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi bằng mép ngoài bàn chân, + Đi khụy gối + Đi trên ván kê dốc + Đi thẳng bằng trên ghế thể dục theo yêu cầu của cô (Kết hợp đầu đội túi cát). + Đi thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh. Hoạt động khác: Luyện tập tư thế đúng trong sinh hoạt hằng ngày: Khi ngồi ghế: lưng thẳng, không gục đầu xuống bàn. Khi đứng: hai chân thẳng, mắt nhìn về phía trước, vai thả lỏng. Khi đi: bước đều, không lom khom, không chạy lộn xộn trong lớp.
3	MT3	<i>Chuẩn 1: Trẻ em có thể lực để tham gia tích cực hoạt động. Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất (CS2)</i>	Hoạt động học: - Tổ chức các hoạt động vận động cơ bản: đi, chạy, bật, ném, leo trèo... - Tham gia trò chơi vận động: kéo co, mèo đuổi chuột, lộn cầu vòng, ai nhanh hơn... - Thực hiện các bài tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ. - Tham gia các hoạt động ngoài trời: chơi với bóng, vòng, dây nhảy, leo cầu thang, đi thẳng bằng. - Rèn thói quen vận động hàng ngày: xếp hàng ra sân, tham gia hội thi thể thao của lớp/trường.
4	MT4	<i>Chuẩn 2. Trẻ em thích ứng với sự thay đổi của hoạt động thể chất và môi trường</i>	Hoạt động khác: -- Rèn luyện thói quen tham gia vận động ngoài trời với mức độ phù hợp (chơi bóng, nhảy dây, đi bộ...).

		<i>Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi (CS3)</i>	- Thực hiện các hoạt động thể chất ở các không gian khác nhau: sân trường, lớp học, khu vui chơi, công viên... - Hướng dẫn trẻ điều chỉnh vận động theo môi trường: đi nhẹ nhàng khi sân trơn, uống nước sau khi vận động ngoài trời nắng, mặc trang phục phù hợp. - Tổ chức trò chơi vận động thay đổi địa điểm, mức độ nhanh/chậm để trẻ rèn khả năng thích ứng
5	MT5	<i>Chuẩn 2. Trẻ em thích ứng với sự thay đổi của hoạt động thể chất và môi trường Dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới (CS4)</i>	Hoạt động khác: Tổ chức trò chơi tập thể, trò chơi dân gian giúp trẻ làm quen và hợp tác với bạn mới. - Tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vận động ở nhiều môi trường khác nhau: lớp học, sân trường, công viên, khu vui chơi. - Khuyến khích trẻ tham gia nhóm chơi ngẫu nhiên, thay đổi bạn chơi để rèn sự thích ứng. - Hướng dẫn trẻ chia sẻ, trao đổi luật chơi, cùng nhau phối hợp trong hoạt động vận động.
6	MT6	<i>Chuẩn 3: Trẻ em có kỹ năng vận động thô (Vận động cơ lớn) Thực hiện phối hợp các vận động đi lên-xuống trên mặt phẳng nghiêng, vượt qua chướng ngại vật: Leo, trèo, di chuyển trên mô hình vận động không cần sự hỗ trợ (CS5)</i>	Hoạt động học: + Các bài tập giúp trẻ đi thăng bằng khi lên, xuống ván kê dốc. - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi trên ván kê dốc dài 2m, rộng 0,3m, 1 đầu kê cao 0,3m. - Đi thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). - Đi thăng bằng trên ghế thể dục, 2 tay đưa ngang. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. - Đi trên ghế thể dục (2m x 0,5m x 0,35m). - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. - Trèo lên xuống 7 giống thang.

			- Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. + Trèo lên xuống ghế thể dục.
7	MT7	<i>Chuẩn 3: Trẻ em có kỹ năng vận động thô (Vận động cơ lớn)</i> <i>Chạy nhanh 20m trong 5-6 giây(CS6)</i>	Hoạt động khác: - Chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). - Chạy chậm 100-120 m - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian - .Chạy nhanh 20m trong 5-6 giây
8	MT8	<i>Chuẩn 3: Trẻ em có kỹ năng vận động thô (Vận động cơ lớn)</i> <i>Phối hợp với người khác thực hiện vận động có sử dụng dụng cụ (CS7)</i>	Hoạt động học: - Đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng. - Đập và bắt bóng bằng 2 tay. - Chuyển bắt bóng qua đầu , qua chân. - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, bắt bóng tại chỗ. - Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa tối thiểu là 4m. + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 50cm. + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm + Nhảy lò cò 5m. (Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.) + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).
9	MT9	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động tung, ném, bắt: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).	Hoạt động học: Phối hợp tay- mắt nhịp nhàng khi tập bài tập +Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. - Ném bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. + Tung bóng lên cao và bắt bóng.

			+ Đập bắt bóng tại chỗ. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
10	MT10	<i>Chuẩn 4. Trẻ em có kỹ năng vận động tinh (vận động cơ nhỏ). Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình và dán hình vào đúng vị trí (CS8)</i>	Hoạt động học: Cắt theo đường viền - Biết cầm kéo đúng cách, an toàn khi cắt giấy. - Cắt theo đường thẳng, đường cong đơn giản trên giấy, tranh, hoặc hình có sẵn. - Biết kiểm soát lực tay, hướng cắt để tạo đường cắt chính xác. Dán hình vào vị trí phù hợp - Biết chọn đúng vị trí để dán hình theo yêu cầu: trên tranh, mô hình, đồ dùng học tập. - Dán thẳng, gọn gàng, không lem hồ. - Biết so sánh, sắp xếp hình để hoàn thiện sản phẩm (ví dụ: xếp hình theo mẫu, ghép tranh). Kỹ năng phối hợp tay – mắt - Quan sát và cắt/dán theo đường viền hoặc mẫu một cách chính xác. - Phối hợp nhịp nhàng giữa tay và mắt khi cắt và dán. Thái độ khi thực hiện - Tập trung, kiên nhẫn khi cắt và dán. - Tự hào về sản phẩm sau khi hoàn thành. - Chia sẻ, khen ngợi bạn bè và giữ gìn sản phẩm của mình.
11	MT11	<i>Chuẩn 4. Trẻ em có kỹ năng vận động tinh (vận động cơ nhỏ). Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự</i>	Hoạt động khác: Thực hiện các việc tự phục vụ cơ bản - Biết tự ăn uống: cầm thìa, đĩa, uống nước, ăn cơm, ăn trái cây

		<i>giúp đỡ(CS9)</i>	- Tự mặc và cởi được quần. - Biết - Cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây, mang giày dép, đội mũ, mặc áo khoác. - Biết rửa tay, rửa mặt, chải răng, vệ sinh cá nhân cơ bản mà không cần nhắc nhở. Sắp xếp đồ dùng cá nhân - Biết cất đồ dùng cá nhân gọn gàng sau khi sử dụng (bát, cốc, chăn gối, balo, đồ chơi cá nhân). - Biết chuẩn bị đồ dùng cho các hoạt động tiếp theo. Kỹ năng quan sát và tự điều chỉnh - Tự nhận biết việc cần làm để chăm sóc bản thân và giữ vệ sinh. - Biết kiểm tra bản thân: áo quần sạch sẽ, tay chân gọn gàng. Thái độ khi tự phục vụ - Tự tin, tự giác làm việc mà không phụ thuộc vào người lớn. - Tự hào về khả năng tự làm và có thái độ tích cực với việc chăm sóc bản thân. - Biết nhắc nhở, giúp đỡ bạn khi cần thiết nhưng vẫn tập trung vào việc tự phục vụ của mình.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
12	MT12	<i>Chuẩn 5: Trẻ em thực hiện ăn uống lành mạnh và có thói quen vệ sinh cơ bản</i> <i>Nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi</i>	Hoạt động học: - Gọi tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

		<i>ích đối với sức khỏe(CS10)</i>	
13	MT13	<i>Chuẩn 5: Trẻ em thực hiện và ăn uống lành mạnh và có thói quen vệ sinh cơ bản Thực hiện ăn uống đầy đủ (Ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng các loại thực phẩm) sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh và lành mạnh (Có lợi cho sức khỏe, phòng tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân) (CS11)</i>	Hoạt động khác: - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau + Thực phẩm bản, sạch. + Thức ăn và sức khỏe (ăn nhiều mỡ, nhiều đường béo phì...) + Thức ăn phù hợp với thời tiết. + ăn uống đủ chất, cân đối, thử thức ăn mới, uống nhiều nước, ăn sáng, đồ ăn lành mạnh khi đi ăn ở ngoài... - Từ chối thực phẩm không lành mạnh - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
14	MT14	<i>Chuẩn 5: Trẻ thực hiện ăn uống lành mạnh và có thói quen vệ sinh cơ bản Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi (CS12)</i>	Hoạt động khác: + Cách rửa tay bằng xà phòng, bé nên rửa tay khi nào. + Các đồ dùng cần thiết để rửa tay.. + Khu vực bé đi vệ sinh trong lớp, trong trường. + Cách bé đánh răng, rửa mặt. Bé đánh răng rửa mặt khi nào? + Những đồ dùng cần thiết để bé đánh răng, rửa mặt. + Cách bé giữ quần áo, đầu tóc gọn gàng. + Một số hành vi văn minh nơi công cộng + Một số hành vi văn minh trong ăn, uống. + Đi vệ sinh đúng cách. + Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách
15	MT15	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	Hoạt động học: - Cầm bát thìa đúng cách - Tự cầm cốc uống nước - Xúc cơm ăn thành thạo

			- Hành vi văn hóa khi ăn uống: cầm thìa, bát, cách ăn, sắp xếp bàn ăn...
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
16	MT16	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:	Hoạt động khác: -+ Một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Rửa mặt, vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - - Chải tóc, vuốt tóc khi bù, rối. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Ra nắng, ra mưa: đội mũ, che ô; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh rét. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. -Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp...
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
17	MT17	<i>Chuẩn 6: Trẻ có kỹ năng an toàn Biết và không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn (CS 13)</i>	Hoạt động khác: + Các đồ dùng dụng cụ gây nguy hiểm: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, dao, kéo, ổ cắm, cành cây... + Một số khu vực có thể gây nguy hiểm (nhà đang xây, đường lầy lội ngập nước, dưới lòng đường, ao hồ) + Một số nơi mất vệ sinh (hố rác, chợ bán gia cầm...) + Biển cấm hút thuốc + Tác hại của thuốc lá với sức khỏe của con người. + Một số việc gây nguy hiểm với bé.

18	MT18	<i>Chuẩn 6: Trẻ em có kỹ năng an toàn</i> <i>Nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp (Tránh xa kêu cứu, thông báo với người khác ...)(CS14)</i>	Hoạt động khác: + Các tình huống khi bé gặp người lạ. + Các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra (cháy, bị khóa trái trong nhà....) - Các hành động của trẻ và người khác (xâm hại, bạo hành)
19	MT19	<i>Chuẩn 6: Trẻ em có kỹ năng an toàn</i> <i>Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người khác (Cảm thấy mệt, đau đầu, mẩn ngứa, buồn nôn ...)(CS15)</i>	Hoạt động khác: - Nhận biết được các dấu hiệu bất thường thường gặp của cơ thể như: mệt mỏi, đau đầu, buồn nôn, ho, sốt, mẩn ngứa, đau bụng... - Biết diễn đạt cảm giác khó chịu của bản thân (nói với cô, bố mẹ: “Con mệt”, “Con đau đầu”, “Con bị ngứa”...). - Có thói quen thông báo cho người lớn khi cơ thể có dấu hiệu khác lạ để được giúp đỡ kịp thời. - Không giấu tình trạng sức khỏe hoặc cố chịu đựng khi có biểu hiện bất thường. - Biết tìm đến người có trách nhiệm, đáng tin cậy (cô giáo, bố mẹ, người thân) để báo tin. + Một số bệnh theo mùa, quy tắc phòng bệnh thường gặp
20	MT20	4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	Hoạt động khác: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
21	MT21	<i>Trẻ có nhận biết về PCCN;</i> <i>- NB một số nguồn gây cháy nổ, Nhận biết dấu hiệu cháy, các tín hiệu báo cháy.</i> <i>- Biết cách phòng tránh và có hành động phù hợp khi nghe các</i>	Hoạt động học: - Nguồn gây cháy nổ: Bếp ga, dây điện, ổ điện... - Các dấu hiệu cháy: Lửa cháy, khói, tiếng nổ... - Tín hiệu báo động cháy: Còi cứu hỏa, đèn báo cháy. - Cách phòng tránh: Không nghịch dây, ổ điện, không nghịch bếp ga, bật lửa, diêm

		<i>tín hiệu báo động cháy</i>	- Hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Di rời ra khỏi nơi cháy, vùng cháy, gọi người lớn, cách thoát hiểm an toàn
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
22	MT22	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	Hoạt động học: - Mưa có từ đâu? - Đặt câu hỏi cho trẻ trong các hoạt động, đưa các tình huống có vấn đề để trẻ tích cực đặt câu hỏi về những sự vật hiện tượng
23	MT23	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	Hoạt động học: - Quan sát nhóm cây cối, con vật.... qua các hình ảnh trực quan - Tìm hiểu đặc điểm, lợi ích, và tác hại của động vật, thực vật, cây, hoa, quả... - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
24	MT24	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	Hoạt động học: - Làm sách biểu thị các hoạt động của cơ thể - Thử nghiệm gieo hạt. - Thí nghiệm trồng cây được tưới nước, cây thiếu nước, cây thiếu không khí, cây thiếu ánh sáng, ghi nhật kí theo dõi và so sánh sự phát triển. - Thí nghiệm vật nổi vật chìm trong nước - Làm thí nghiệm nước ở trạng thái rắn, lỏng, khí - Xem clip vòng tuần hoàn của nước
25	MT25	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện	Hoạt động học: - Làm sách biểu thị các hoạt động của cơ thể - Trò chơi: Hoa nào quả nấy; Tìm lá cho hoa...

		và thảo luận.	- Trò chơi: Hãy tìm người khác biệt; Ai không giống tôi; Thử tài của bé - Làm sách: Vật chìm vật nổi; Bốn mùa quanh em; Sự bốc hơi của nước; Sự ngưng tụ của nước.....
26	MT26	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, PTGT... và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, PTGT... theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
27	MT27	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	Hoạt động học: - Trẻ giải thích một số quan hệ nguyên nhân kết quả - Mối quan hệ của động vật, thực vật, phương tiện giao thông, nghề nghiệp...với biến đổi khí hậu và thiên tai
28	MT28	2.2. Giải thích được mối liên hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	Hoạt động khác: - Mối liên hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. (Không ăn, lười ăn sẽ ốm yếu, mệt mỏi; cây chăm sóc nhiều sẽ xanh tốt- nhiều quả...)
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
29	MT29	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động học: - Trẻ nhận biết được các bộ phận của cơ thể con người. Trẻ nhận biết được về chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - So sánh sự giống và khác nhau của con vật, cây cối, hoa quả. Phân loại cây, hoa, quả, con

			vật theo 2-3 dấu hiệu - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa các sự vật hiện tượng - Các loại đồ chơi - Phương tiện giao thông
30	MT30	<i>Chuẩn 17: Trẻ em thể hiện hiểu biết và thực hiện khám phá khoa học</i> <i>Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên (CS 50)</i>	Hoạt động học: + Sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối, con vật. + Mối liên hệ giữa cây cối, con vật và môi trường sống. + Tên gọi, đặc điểm nổi bật về thời tiết của các mùa trong năm. + Sinh hoạt của con người với các mùa trong năm. + Một số hiện tượng tự nhiên (gió, mưa, bão,)
31	MT31	<i>Chuẩn 17: Trẻ em thể hiện hiểu biết và thực hiện khám phá khoa học</i> <i>Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm (CS 51)</i>	Hoạt động học: - Nhận biết và phân loại được một số sự vật, đồ vật, con vật, cây cối... theo đặc điểm chung (màu sắc, hình dáng, kích thước, công dụng, môi trường sống...). - Biết so sánh sự giống nhau và khác nhau của các đối tượng để sắp xếp vào nhóm phù hợp. - Biết gọi tên nhóm sau khi phân loại, ví dụ: nhóm đồ chơi, nhóm hoa quả, nhóm con vật sống dưới nước...
32	MT32	<i>Chuẩn 17: Trẻ em thể hiện hiểu biết và thực hiện khám phá khoa học</i> <i>Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật với môi trường sống (CS 52)</i>	Hoạt động khác: - Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của động vật, thực vật gắn với môi trường sống của chúng. - Giải thích được mối quan hệ giữa đặc điểm đó và sự thích nghi với môi trường sống.
33	MT33	<i>Chuẩn 18: Trẻ em nhận biết và thể hiện</i>	Hoạt động học: Quan sát, gọi tên và phân biệt các thiết bị công

		<i>kỹ năng phù hợp khi tiếp cận công nghệ số Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn(CS 53)</i>	nghệ số quen thuộc trong lớp, gia đình: Máy tính, máy ảnh, tivi, bảng tương tác, màn hình thông minh, máy chiếu... - Biết xin phép người lớn trước khi dùng thiết bị. - Không lại gần ổ điện, không tự ý cắm/sạc thiết bị. - Biết giữ khoảng cách khi xem tivi/màn hình.
34	MT34	<i>Trẻ được tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến</i>	Hoạt động học: - Các hoạt động trải nghiệm qua phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ - Các hoạt động trải nghiệm, khám phá - Các phương pháp giáo dục tiên tiến Montessori , Stem.
35	MT35	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Hoạt động học: - Có cách thực hiện một nhiệm vụ khác hơn so với chỉ dẫn cho trước mà vẫn đạt được kết quả tốt đỡ tốn thời gian... - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống cách các bạn khác làm. - Tự vận động minh họa, múa sáng tạo khác hợp lý nhưng khác với hướng dẫn của cô. - Múa, minh họa theo bài hát. - Tham gia làm đồ dùng đồ chơi tự tạo cùng cô, tham gia hoạt động tạo hình
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
36	MT36	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Hoạt động học: - Lấy và đếm đồ dùng, đồ chơi theo yêu cầu. Đếm theo khả năng.. Chọn thẻ số (viết số) đặt vào nhóm đồ vật tương ứng sau khi đếm. Viết các chữ số trên cát.Nặn, cắt, dán, tô màu, trang trí các chữ số và tạo nhóm có số lượng tương ứng. Đọc các số trên lịch, trên đồng hồ,

			trên biển số xe, số nhà, số điện thoại. Viết ngày, số nhà, số điện thoại, số trên đồng hồ và trên một số đồ dùng phương tiện khác, nhận biết các số điện thoại kẩn cấp 113,114,115. Đọc số trên lịch: lịch bàn, lịch treo tường. Làm các bài tập toán về số lượng.
37	MT37	<i>Chuẩn 15: Trẻ em thực hiện các kỹ năng liên quan đến số, đếm, đo và biểu thị kết quả. Tách, gộp số lượng trong phạm vi 10 (CS42)</i>	Hoạt động học: - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm từ 0 đến 10: đếm xuôi, đếm ngược. - Tách – gộp khối gạch để xây nhà. Trẻ mua – bán hàng hóa theo số lượng, tách hoặc gộp khi đổi đồ. - Nhặt lá/sỏi rồi chia thành 2 túi; trò chơi “Kết nhóm” theo số cô gọi. - Mọi lúc – mọi nơi: Giờ ăn (chia bát, thìa cho bạn)
38	MT38	<i>Chuẩn 15: Trẻ em thực hiện các kỹ năng liên quan đến số, đếm, đo và biểu thị kết quả. So sánh, thêm, bớt số lượng trong phạm vi 10 (CS43)</i>	Hoạt động khác: - Nhận biết và so sánh số lượng trong phạm vi 10 (nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau). - Thực hiện thêm, bớt số lượng đồ vật trong phạm vi 10 để tạo nhóm có số lượng theo yêu cầu. - Biểu thị kết quả so sánh, thêm bớt bằng lời nói hoặc hành động.
39	MT39	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	Hoạt động học: - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong PV 10. - Tìm 3 nhóm đồ vật có số lượng không bằng nhau. Lấy 3 nhóm đồ vật, đồ chơi có số lượng không bằng nhau theo yêu cầu. Xếp tương ứng, so sánh 2,3 nhóm số lượng. Làm bài tập so sánh: Tô màu nhóm đồ chơi có số lượng nhiều hơn (ít hơn, bằng nhau). Cho đồ vật, đồ chơi vào 2,3 hộp (túi) dự đoán và so sánh số lượng, nêu kết quả.
40	MT40	1.7. Nhận biết các con	Hoạt động học:

		số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Ứng dụng số lượng, chữ số, số thứ tự vào cuộc sống hàng ngày (số nhà, điện thoại, giá tiền, biển số xe, số gọi cảnh sát, cấp cứu, báo cháy,...).
2. Sắp xếp theo quy tắc			
41	MT41	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Phát hiện quy tắc sắp xếp và xếp tiếp theo quy tắc. - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tìm chỗ không đúng quy tắc, khiếm khuyết hoặc bất hợp lý. - Phát hiện và làm theo quy luật đơn giản. - Xếp theo trình tự hợp lý (4-5 đối tượng).
42	MT42	<i>Chuẩn 16: Trẻ xác định hình dạng, quy tắc sắp xếp, định hướng trong không gian và thời gian</i> <i>Sắp xếp theo quy tắc(CS46)</i>	Hoạt động học: - Nhận biết và lặp lại quy tắc sắp xếp đơn giản (ví dụ: đỏ – xanh – đỏ – xanh; to – nhỏ – to – nhỏ...). - Sắp xếp đồ vật, hình khối, tranh ảnh theo 1 – 2 tiêu chí (màu sắc, kích thước, hình dạng). - Tiếp nối, hoàn thiện dãy sắp xếp theo quy tắc đã cho. - Tự tạo dãy sắp xếp mới theo quy tắc đơn giản. - Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Sáng tạo mẫu và sắp xếp theo ý thích. - Phát hiện đối tượng sắp xếp không theo qui tắc (phát hiện chỗ sai và sắp xếp lại).
43	MT43	2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	Hoạt động học: - Tự xếp ra qui tắc riêng và nói ra qui tắc sắp xếp đó. - Nhận ra qui tắc sắp xếp của đối tượng/của con số và tiếp tục theo qui tắc đó. - Chọn đối tượng để sắp xếp vào vị trí còn bỏ

			trống cho đúng qui tắc. - Ghép thành cặp các đối tượng có mối liên quan Hoạt động khác: - Sưu tầm các trang phục, đồ dùng có các cách sắp xếp khác nhau (theo quy tắc) - Trò chơi: ghép tranh, tìm đúng hình, thi xếp nhanh, xếp giống mẫu, dãy số lặp lại, ai nhanh nhất, bé sáng tạo, xếp tháp...
3. So sánh hai đối tượng			
44	MT44	<i>Chuẩn 15: Trẻ em thực hiện các kỹ năng liên quan đến số, đếm, đo và biểu thị kết quả. Đo độ dài, dung tích của đối tượng bằng đơn vị đo ước lệ (CS44)</i>	Hoạt động học: - Sử dụng các vật quen thuộc (que tính, bước chân, cốc, thìa...) làm đơn vị đo ước lệ để đo độ dài, dung tích. - Thực hiện đo độ dài của đối tượng bằng cách xếp, đếm đơn vị đo ước lệ. - Đo dung tích (lượng nước, cát, hạt...) bằng cách đong đếm bằng đơn vị đo ước lệ. - So sánh kết quả đo giữa các đối tượng và biểu thị kết quả bằng lời nói, hành động.
4. Nhận biết hình dạng			
45	MT45	<i>Chuẩn 16: Trẻ xác định hình dạng, quy tắc sắp xếp, định hướng trong không gian và thời gian. Xác định một số hình phẳng và hình khối đơn giản trong cuộc sống xung quanh (CS45)</i>	Hoạt động khác: + Các hình tròn, vuông, chữ nhật, tam giác... + Khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật trong môi trường xung quanh trẻ. + Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. + Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
46	MT46	<i>Chuẩn 16: Trẻ xác định hình dạng, quy tắc sắp xếp, định hướng trong không gian và thời gian</i>	Hoạt động học: + Phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía trái – phía phải của bản thân. + Phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới;

		<i>Xác định vị trí trong không gian theo vật chuẩn(CS47)</i>	phía trái – phía phải của người khác. + Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía trái – phía phải so với bản thân và so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
47	MT47	<i>Chuẩn 16: Trẻ xác định hình dạng, quy tắc sắp xếp, định hướng trong không gian và thời gian Xác định giờ đúng trên đồng hồ(CS49)</i>	Hoạt động khác: + Biết mặt đồng hồ hình tròn có 12 số từ 1 → 12. + Nhận biết kim ngắn (giờ), kim dài (phút). + Xác định giờ đúng + Nhận biết đọc khi kim ngắn chỉ số nào → đó là giờ; kim dài chỉ số 12 → giờ đúng. + Liên hệ hoạt động hàng ngày với thời gian Dùng từ ngữ phù hợp: sáng, trưa, chiều, tối để gắn với giờ trong ngày.
48	MT48	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	Hoạt động học: - Gọi tên các thứ trong tuần. - Các mùa trong năm - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
49	MT49	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
50	MT50	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi	Hoạt động học: - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia

		được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
51	MT51	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Gia đình của bé - Địa chỉ gia đình... - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Ngôi nhà nơi tôi ở - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
52	MT52	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Quan sát lớp học, trường mầm non, Tượng đài liệt sĩ, trường tiểu học, trạm y tế phường, UBND phường. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
53	MT53	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Nói tên, công việc của cô giáo - Nói tên, công việc của các cô bác trong trường MN (Bác bảo vệ, bác cấp dưỡng... - Tình cảm của trẻ đối với các cô bác trong trường
54	MT54	1.6. Nói họ tên và đặc	Hoạt động học:

		điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
55	MT55	2. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	Hoạt động học: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
56	MT56	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	Hoạt động học: - Ngày tháng, ý nghĩa của một số ngày lễ lớn trong năm: + Ngày 20/11 là ngày Nhà giáo việt Nam + Ngày 22/12 là ngày TLQĐNDVN + Ngày Tết Nguyên đán + Ngày 19/5 ngày sinh nhật Bác Hồ - Hoạt động diễn ra để kỷ niệm những ngày lễ lớn.
57	MT57	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Hoạt động học: - Một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước: Hồ Yên Trung, Vịnh Hạ Long, Chùa Yên Tử, Chùa Hang Sơn... - Nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
58	MT58	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học	Hoạt động học: - Kể được tên các loại vật nuôi trong gia đình, các loại rau, các loại quả khi có yêu cầu. - Nói được từ khái quát chỉ các sự vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc

		tập,..).	tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại. Nghe và nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó. - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. - Hiểu một số từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.
59	MT59	<i>Chuẩn 11. Trẻ em nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.</i> <i>Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói; (CS 30)</i>	Hoạt động khác: + Thực hiện các yêu cầu của cô, của người lớn và các bạn trong các hoạt động. + Nghe âm thanh trong cuộc sống hàng ngày. + Nghe các giọng nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
60	MT60	<i>Chuẩn 11. Trẻ em nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.</i> <i>Nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản; (CS 31).</i>	Hoạt động khác: + Quan sát, được nghe tên gọi các sự vật và hiện tượng gần gũi đơn giản + Nghe người khác nói và đáp lại bằng lời nói phù hợp. + Tham gia trò chơi nghe – làm theo hiệu lệnh, hoặc nghe – trả lời.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
61	MT61	<i>Chuẩn 11. Trẻ em nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.</i> <i>Nói để người khác hiểu; (CS32)</i>	Hoạt động khác: - Nói rõ ràng, đủ nghe trong giao tiếp hằng ngày. - Sử dụng câu nói đơn giản, đầy đủ ý để diễn đạt nhu cầu, mong muốn. - Nói đúng ngữ điệu, phát âm rõ để người khác dễ hiểu. - Sắp xếp từ ngữ trong câu theo trình tự hợp lý. - Biết lựa chọn từ ngữ phù hợp với tình huống giao tiếp (lịch sự, lễ phép). - Tham gia đối thoại, trao đổi với bạn bè và người lớn để người nghe hiểu được nội dung. - Biết điều chỉnh cách nói (nói lại, nói chậm

			hơn, giải thích thêm) khi người nghe chưa hiểu.
62	MT62	<i>Chuẩn 11. Trẻ em nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.</i> <i>Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp (CS33)</i>	Hoạt động khác: + Biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi trong các tình huống giao tiếp hàng ngày. + Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe. Sử dụng từ ngữ lễ phép khi nói chuyện với người lớn (dạ, vâng, thưa...). + Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe. Biết lắng nghe khi người khác nói, không ngắt lời. + Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe. Biết chờ đến lượt khi tham gia trò chuyện, trao đổi. + Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe. Thể hiện cử chỉ, hành vi lịch sự: gõ cửa trước khi vào phòng, nhường chỗ, đưa – nhận đồ bằng hai tay... + Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe. Sử dụng lời nói thân thiện, không quát mắng, trêu chọc bạn. + Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với người nghe. Biết khen ngợi, chúc mừng người khác trong tình huống phù hợp.
63	MT63	<i>Chuẩn 12. Trẻ em thể hiện ngôn ngữ sáng tạo.</i> <i>Diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau; (CS34)</i>	Hoạt động học: - Dùng lời nói để kể lại sự việc, hiện tượng mà trẻ quan sát, trải nghiệm. - Biết kết hợp nhiều cách (vừa nói vừa chỉ vào tranh, vừa kể vừa minh họa) để người khác dễ hiểu. - Tự tin chia sẻ, trình bày trước nhóm bạn hoặc trong giờ hoạt động chung.
64	MT64	<i>Chuẩn 12. Trẻ em thể hiện ngôn ngữ sáng tạo.</i> <i>Kể chuyện theo cách riêng (CS35)</i>	Hoạt động học: - Kể lại chuyện đã nghe theo trí nhớ, có thể thay đổi một vài chi tiết theo ý thích. - Dùng lời kể tự nhiên, gần gũi, phù hợp với vốn từ của bản thân.

			- Kể chuyện kết hợp với điệu bộ, cử chỉ, giọng điệu để làm sinh động câu chuyện. - Sáng tạo thêm chi tiết, tình huống mới khi kể lại chuyện quen thuộc. - Dựa vào tranh, đồ vật, mô hình để tự kể thành câu chuyện theo cách riêng. - Biết thay đổi vai nhân vật, nhập vai để kể chuyện hấp dẫn. - Tự tin trình bày trước bạn bè, nhóm nhỏ hoặc tập thể.
65	MT65	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, ... phù hợp với ngữ cảnh.	Hoạt động khác: - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Tự sử dụng đúng các loại câu: Câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định nghi vấn, mệnh lệnh phù hợp với tình huống - Nhận xét, đưa ra ý kiến của bản thân về sự vật hiện tượng nào đó khi được người lớn yêu cầu. - Thương thuyết, và thuyết phục người lớn, bạn bè khi có yêu cầu mong muốn nào đó. - Thuyết trình ý tưởng, phát biểu cảm nghĩ các tác phẩm nghệ thuật, đồ vật của bản thân, về người gần gũi...
66	MT66	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	Hoạt động học: - Các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
67	MT67	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	Hoạt động học: - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Trẻ chủ động sử dụng các câu: Cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt... trong các tình huống phù hợp không cần người lớn nhắc nhở
68	MT68	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	Hoạt động học: - Đóng kịch. Hoạt động khác: - Trò chơi: Đóng kịch với các con rối; Đồ

			chơi....
3. Làm quen với đọc, viết			
69	MT69	<i>Chuẩn 13. Trẻ em sẵn sàng việc học đọc. Thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in(CS36);</i>	Hoạt động học: + Suru tầm các loại sách truyện. + Đẻ sách vào đúng nơi qui định. + Thái độ, hành vi của trẻ khi giở sách, cất sách... + Biết chia sẻ sách với bạn
70	MT70	<i>Chuẩn 13. Trẻ em sẵn sàng việc học đọc. Nhận biết một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống; (CS37)</i>	Hoạt động khác: + Nhận biết các kí hiệu của bản thân: Khăn mặt, ngăn tủ đựng đồ, cốc uống nước... + Nhận biết các kí hiệu về thời tiết. + Nhận biết một số biển báo giao thông đơn giản, quen thuộc. + Nhận biết nhãn hàng hóa quen thuộc.
71	MT71	<i>Chuẩn 13. Trẻ em sẵn sàng việc học đọc. Nhận biết và gọi tên chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt;(CS38)</i>	Hoạt động học: + Làm quen và nhận biết các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. + Nhận biết chữ cái qua nhiều hình thức: thẻ chữ, sách, báo, bảng, tranh, đồ vật có chữ cái. + Tìm, chỉ ra chữ cái quen thuộc trong tên của mình, bạn bè, người thân. + Sử dụng trò chơi, bài hát, hoạt động nhóm để củng cố việc nhận diện và gọi tên chữ cái.
72	MT72	<i>Chuẩn 13. Trẻ em sẵn sàng việc học đọc. Nghe và nhận ra âm giống nhau trong tiếng.(CS39)</i>	Hoạt động khác: - Tham gia trò chơi tìm tiếng có âm giống nhau (ghép thẻ chữ, gõ nhịp, vỗ tay khi nghe). - Biết lặp lại, đọc theo nhịp các tiếng có âm giống nhau. - Vận dụng khi nghe thơ, đồng dao, bài hát có từ ngữ gieo vần hoặc lặp âm.
73	MT73	<i>Chuẩn 14. Trẻ em sẵn sàng việc học viết. Thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ,</i>	Hoạt động khác: + Hứng thú tham gia các hoạt động vẽ, “viết” theo ý thích. + Biết cầm bút, để vở/giấy đúng cách, ngồi tư

		“viết”; (CS40)	thế ngay ngắn khi vẽ, “viết”. + Vẽ và “viết” một cách tự nguyện trong các trò chơi, hoạt động học tập và sinh hoạt hàng ngày. + Biết chia sẻ, trao đổi sản phẩm vẽ, “viết” với cô và bạn. + Có ý thức hoàn thành sản phẩm và cất gọn gàng dụng cụ sau khi dùng.
74	MT74	<i>Chuẩn 14. Trẻ em sẵn sàng việc học viết. Bắt chước hành vi “viết” (CS41)</i>	Hoạt động khác: + Tô chữ, đồ chữ, cắt, dán chữ. + Xếp hình chữ bằng nhiều nguyên vật liệu khác nhau. + Viết tên trong các sản phẩm tạo hình. + Tự viết tên của bản thân trong các đồ dùng sinh hoạt cá nhân. + Cầm bút, ngồi học đúng tư thế. + Vẽ, xếp... theo chiều từ trái sang phải. + Tập tô chữ, đồ chữ, xếp chữ theo chiều từ trái sang phải từ trên xuống dưới.
75	MT75	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	Hoạt động khác: - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung mà tranh minh họa - Nói được thứ tự của sự việc từ các bức tranh và có thể kể được nội dung chính của câu truyện qua tranh vẽ
76	MT76	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	Hoạt động khác: - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
77	MT77	3.6. Tô, đồ các nét	Hoạt động học:

		chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Hướng viết của chữ (như đọc), quy trình viết 1 chữ cái. Cầm bút, ngồi học đúng tư thế. Hoạt động khác: - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Đọc và viết được tên của mình. - Tự viết tên của bản thân trong các đồ dùng sinh hoạt cá nhân
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội			
1. Thể hiện ý thức về bản thân			
78	MT78	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính, Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình. + Số điện thoại của bố mẹ.
79	MT79	<i>Chuẩn 7. Trẻ em nhận thức và thể hiện thái độ đối với bản thân. Nhận biết về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, giới tính, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; (CS 16)</i>	Hoạt động học: + Các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể con người (tên gọi, cấu tạo, chức năng....) + Giới tính của bản thân. + Tên, tuổi, giới tính, sở thích + Khả năng của bé. + Sở thích của bé. + Điểm yếu của bản thân. + Nhận biết, phân biệt quần áo của bạn trai bạn gái. + Điểm giống và khác nhau của mình với

			người khác. + Một số hành vi văn minh lịch sự của bạn gái (trai)
80	MT80	<i>Chuẩn 7. Trẻ em nhận thức và thể hiện thái độ đối với bản thân.</i> <i>Gọi tên tối thiểu 3 cảm xúc khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó (CS17)</i>	Hoạt động khác: Nhận biết và gọi tên được ít nhất 3 cảm xúc khác nhau của bản thân: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên... Nói được nguyên nhân gây ra cảm xúc đó, ví dụ: + Vui khi được chơi với bạn, nhận quà. + Buồn khi bị mất đồ chơi, không ai chơi cùng. + Sợ khi ở một mình, nghe tiếng sấm. + Tức giận khi bị bạn trêu chọc. Biết chia sẻ cảm xúc của bản thân với cô, bố mẹ, bạn bè. Có hành vi thể hiện cảm xúc phù hợp (cười khi vui, khóc khi buồn, nép vào cô khi sợ...). Bước đầu biết kiềm chế và điều chỉnh cảm xúc theo hướng tích cực (kể cho cô nghe thay vì đánh bạn khi tức giận).
81	MT81	<i>Chuẩn 7. Trẻ em nhận thức và thể hiện thái độ đối với bản thân.</i> <i>Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân.(CS18)</i>	Hoạt động khác: Nhận biết và trân trọng những đặc điểm riêng của bản thân (tóc dài, da ngăm, giọng hát hay...). Tự hào khi chia sẻ về bản thân trước cô và bạn (giới thiệu tên, tuổi, sở thích, khả năng). Thể hiện sự vui thích, tự tin khi làm được việc tốt, việc mới (vẽ tranh đẹp, hát, xếp hình, giúp bạn). Biết so sánh và khẳng định sự khác biệt của bản thân với bạn bè theo hướng tích cực (“tớ cao hơn”, “tớ vẽ giỏi”, “bạn hát hay”).
82	MT82	1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	Hoạt động học: - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.

83	MT83	1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Hoạt động khác: - Một số quy định ở lớp, gia đình - Trục nhật - Kê bàn ghế, lấy bát thìa trong bữa ăn
84	MT84	<i>Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng (CS66)</i>	Hoạt động khác: + Thái độ của bé với nhiệm vụ được giao cùng bạn; người lớn. + Thái độ và hành vi của bé trong các tình huống yêu cầu chờ đến lượt.
85	MT85	<i>Trẻ biết chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động (CS 67)</i>	Hoạt động khác: + Thái độ của các bạn trong nhóm chơi đối với bé. + Bé chơi với các bạn trong nhóm.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
86	MT86	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trục nhật, chơi...).	Hoạt động khác: - VS cá nhân, tự thay quần áo, Xếp quần áo, giày dép, xúc ăn, tự bỏ chén, muỗng, ly sau khi ăn vào xô theo từng loại, dọn dẹp đồ chơi cất đúng chỗ.
87	MT87	<i>Chuẩn 10. Trẻ em thể hiện sự trung thực trong giao tiếp và ứng xử với người khác. Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra; (CS27)</i>	Hoạt động khác: Nhận biết sự việc + Quan sát và ghi nhớ sự việc vừa xảy ra trong sinh hoạt, vui chơi, học tập. + Phân biệt sự việc thật với lời bịa đặt, tưởng tượng. Phản ánh sự việc bằng lời nói + Kể lại đúng, rõ ràng sự việc mình nhìn thấy/nghe thấy. + Trình bày theo trình tự đơn giản (ai – làm gì – ở đâu – khi nào). + Sử dụng từ ngữ, câu nói dễ hiểu khi kể lại sự việc. Phản ánh sự việc bằng nhiều cách + Dùng cử chỉ, điệu bộ, tranh vẽ, đồ chơi minh họa để diễn tả sự việc.

			+ Biết nhờ cô giáo, cha mẹ, bạn bè để xác nhận sự việc. - Thái độ, hành vi phù hợp + Trung thực khi kể lại sự việc, không nói sai, không thêm bớt. + Mạnh dạn, tự tin khi phản ánh sự việc với người lớn. + Biết phản ánh sự việc với mục đích tích cực (ví dụ: báo cô khi bạn ngã, khi có nguy hiểm).
88	MT88	<i>Chuẩn 10. Trẻ em thể hiện sự trung thực trong giao tiếp và ứng xử với người khác. Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi; (CS 28)</i>	Hoạt động khác: Nhận ra lỗi của bản thân + Biết khi mình làm sai: làm rách sách, làm đổ nước, tranh giành đồ chơi, làm bạn khóc... + Hiểu rằng hành vi sai có thể gây phiền lòng hoặc ảnh hưởng đến người khác. - Biết nói lời xin lỗi + Tự giác nói “xin lỗi” khi làm sai. + Biết xin lỗi bằng lời nói lễ phép, thái độ chân thành. + Xin lỗi kèm theo cử chỉ phù hợp: nhìn bạn, nắm tay, ôm bạn... - Biết sửa lỗi + Thực hiện hành động để khắc phục: nhặt rác bỏ vào thùng, lau chỗ nước đổ, chia lại đồ chơi. + Thể hiện mong muốn làm hòa với bạn, tiếp tục chơi thân thiện. + Biết rút kinh nghiệm để hạn chế lặp lại lỗi. - Thái độ tích cực + Vui vẻ, nhẹ nhõm khi được tha lỗi. + Tôn trọng bạn bè, người khác sau khi đã sửa lỗi. + Có ý thức trách nhiệm hơn trong hoạt động hằng ngày.
89	MT89	<i>Chuẩn 10. Trẻ em thể hiện sự trung thực</i>	Hoạt động khác:

		<i>trong giao tiếp và ứng xử với người khác. Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác(CS29)</i>	Nhận biết về lời hứa + Biết thế nào là hứa: nói với bạn/cô/cha mẹ sẽ làm một việc gì đó. + Hiểu rằng giữ lời hứa là biểu hiện của sự trung thực, đáng tin cậy. Thực hiện lời hứa + Biết thực hiện những việc đã hứa theo khả năng (tra đồ chơi cho bạn, trực nhật cùng cô, chia đồ ăn...). + Cố gắng hoàn thành đúng thời gian, đúng yêu cầu khi đã hứa. + Tự giác nhắc lại và làm theo lời hứa mà không cần người lớn nhắc. Thái độ khi thực hiện lời hứa + Vui vẻ, tự tin khi giữ lời hứa. + Xin lỗi khi lỡ quên hoặc chưa thực hiện được lời hứa. + Biết rút kinh nghiệm để thực hiện lời hứa tốt hơn lần sau. Ứng xử trong quan hệ với người khác + Biết trân trọng lời hứa của bạn, mong bạn giữ lời hứa. + Tôn trọng và khen ngợi khi bạn giữ lời hứa. + Không giận dỗi lâu khi bạn lỡ quên hứa, biết tha thứ và nhắc nhở nhẹ nhàng
90	MT90	<i>Trẻ biết thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống (CS 70)</i>	Hoạt động khác: + Thái độ, hành động, lời nói của bé khi cần sự giúp đỡ của người lớn.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
91	MT91	<i>Chuẩn 8. Trẻ em có thể quản lý cảm xúc và thể hiện trách nhiệm với người khác. Nhận biết và thể hiện</i>	Hoạt động khác: Nhận biết cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói (biết bạn buồn, bạn vui, cô giận...).

		<i>cảm xúc phù hợp với mọi người xung quanh; (CS 19)</i>	Thể hiện cảm xúc phù hợp khi giao tiếp: + Cười, chào hỏi khi gặp người quen. + An ủi khi bạn buồn, chúc mừng khi bạn vui. + Giữ thái độ nhẹ nhàng khi người khác đang mệt, khó chịu. Biết kiềm chế cảm xúc trong một số tình huống: không khóc lóc, la hét quá mức; không đánh bạn khi tức giận. Thể hiện tình cảm tích cực: chia sẻ đồ chơi, nói lời cảm ơn, xin lỗi. Có hành vi hợp tác, thân thiện khi chơi, học tập và sinh hoạt cùng cô và bạn. Cảm nhận được sự vui vẻ, thoải mái khi có tương tác tình cảm phù hợp với mọi người.
92	MT92	<i>Chuẩn 8. Trẻ em có thể quản lý cảm xúc và thể hiện trách nhiệm với người khác.</i> <i>Điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh; (CS20)</i>	Hoạt động khác: Biết kiềm chế cảm xúc trong một số tình huống: + Không khóc to khi chưa được chơi đồ chơi, thay vào đó chờ đến lượt. + Không tức giận, đánh bạn khi bị tranh giành, biết báo với cô. Điều chỉnh hành vi để phù hợp hoàn cảnh: + Giữ trật tự khi ở nơi công cộng (lớp học, thư viện, bệnh viện). + Biết nhỏ giọng khi có người đang ngủ, giữ yên lặng khi nghe kể chuyện. Thay đổi cảm xúc theo hướng tích cực nhờ gợi ý của người lớn: khi buồn biết tham gia trò chơi để vui hơn. Biết bày tỏ cảm xúc bằng cách phù hợp: nói ra thay vì la hét, xin lỗi thay vì khóc lóc. Có ý thức tự kiểm soát bản thân trong các hoạt động nhóm, trò chơi, sinh hoạt tập thể.
93	MT93	<i>Chuẩn 8. Trẻ em có thể quản lý cảm xúc và thể hiện trách nhiệm</i>	Hoạt động khác: Trách nhiệm với bản thân + Biết tự dọn dẹp, cất giữ đồ dùng, đồ chơi

		với người khác. <i>Có trách nhiệm với bản thân, người khác và môi trường.(CS 21)</i>	sau khi chơi. + Giữ gìn vệ sinh cá nhân: rửa tay, chải tóc, mặc gọn gàng. + Hoàn thành công việc được giao phù hợp với khả năng (lấy ghế, chia thìa, lau bàn...). Trách nhiệm với người khác + Biết giúp đỡ bạn khi cần (lấy hộ đồ, nhắc bạn xếp hàng, chia sẻ đồ chơi). + Biết nhường nhịn, chờ đến lượt. + Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi khi cần. Trách nhiệm với môi trường + Không vứt rác bừa bãi, biết bỏ rác đúng nơi quy định. + Biết chăm sóc cây xanh, vật nuôi trong lớp, trường. + Giữ gìn, bảo quản đồ dùng, trang thiết bị chung.
94	MT94	3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	Hoạt động khác: - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - An ủi người thân, bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ. - Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật. - Hoan hô, cổ vũ...khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó - Quan tâm đến bạn bè: Trong lúc điểm danh nếu có một trẻ vắng mặt do bệnh tật: dạy cho trẻ động viên, đến thăm / nếu bạn đi du lịch - hãy vui mừng, vui vẻ khi bạn quay trở về
95	MT95	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Hoạt động học: - Kính yêu Bác Hồ. - Xem tranh ảnh về Bác Hồ, tranh ảnh về một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác (Nơi Bác sống và làm việc, nơi tưởng niệm Bác....)(Làng Sen, bến Nhà Rồng, hang Pác Pó...)

96	MT96	3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Hoạt động học: - Hát múa, đọc thơ, kể chuyện về Bác Hồ
97	MT97	3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	Hoạt động học: - Trò chuyện về di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước - Trẻ nhận ra được cái đẹp trong cuộc sống và thiên nhiên.
98	MT98	3.7 Trẻ có một số hiểu biết về cờ Tổ quốc, Quốc ca Việt Nam và có hiểu biết về quê hương nơi trẻ sống	Hoạt động học: Đất nước: Thủ đô, Cờ Tổ quốc và Quốc ca. Quê hương Quảng Ninh, TP Uông Bí: Có vịnh Hạ Long, Yên Tử, chùa Ba Vàng...
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
99	MT99	<i>Chuẩn 9. Trẻ em ứng xử phù hợp với người khác và môi trường. Nhận biết và thể hiện thái độ phù hợp với người khác và môi trường; (CS22)</i>	Hoạt động khác: Đối với người khác + Biết lễ phép: chào hỏi, thưa gửi, cảm ơn, xin lỗi. + Thể hiện sự quan tâm: an ủi bạn khi buồn, chúc mừng khi bạn vui. + Biết nhường nhịn, chia sẻ đồ chơi, chờ đến lượt trong hoạt động. + Thái độ thân thiện: hợp tác, vui vẻ khi chơi cùng bạn. Đối với môi trường + Yêu thích, chăm sóc cây xanh, con vật nuôi. + Không bẻ cành, hái hoa, nghịch phá đồ vật trong lớp/trường. + Biết giữ gìn vệ sinh: bỏ rác đúng nơi quy định, sắp xếp gọn gàng. + Có thái độ trân trọng với đồ dùng, sách vở, đồ chơi. Thể hiện tình cảm tích cực

			+ Vui vẻ khi tham gia hoạt động tập thể. + Thái độ tự giác khi thực hiện quy định trong lớp, trường. + Thể hiện sự hài lòng, tự tin khi làm được việc tốt.
100	MT100	<i>Chuẩn 9. Trẻ em ứng xử phù hợp với người khác và môi trường.</i> <i>Thể hiện hành vi ứng xử văn hoá với người khác và môi trường; (CS23)</i>	Hoạt động khác: Ứng xử văn hoá với người khác + Biết chào hỏi lễ phép, thưa gửi đúng mực. + Nói lời “cảm ơn”, “xin lỗi” khi cần thiết. + Biết nhường nhịn, chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn. + Hợp tác, giúp đỡ bạn trong hoạt động học tập, vui chơi. + Lắng nghe khi người khác nói, không ngắt lời. Ứng xử văn hoá với môi trường + Bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt bừa bãi. + Giữ gìn, bảo quản sách, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị chung. + Biết chăm sóc cây xanh, vật nuôi; không bẻ cành, ngắt lá, nghịch phá đồ vật. + Giữ vệ sinh nơi công cộng: lớp học, sân chơi, nhà vệ sinh. Hành vi tích cực, thân thiện + Cư xử hoà nhã, vui vẻ khi tham gia hoạt động tập thể. + Tự giác thực hiện các quy định chung trong lớp, trường. + Thể hiện niềm vui, sự tự tin khi làm việc tốt, giúp đỡ mọi người.
101	MT101	<i>Chuẩn 9. Trẻ em ứng xử phù hợp với người khác và môi trường.</i> <i>Tôn trọng sự khác biệt của người khác; (CS</i>	Hoạt động khác: - Nhận ra sự khác biệt về ngoại hình: cao – thấp, béo – gầy, tóc dài – tóc ngắn... - Nhận ra sự khác biệt về sở thích, khả năng: bạn thích hát, bạn thích vẽ; bạn chạy nhanh,

		24)	bạn xếp hình giỏi... Thái độ tôn trọng, chấp nhận + Không chê bai, trêu chọc sự khác biệt của bạn. + Vui vẻ chơi cùng bạn dù bạn khác mình. + Biết khen ngợi điểm mạnh, khả năng riêng của bạn. Hành vi phù hợp + Biết nhường nhịn, hợp tác với bạn trong hoạt động chung. + Biết lắng nghe ý kiến khác với mình. + Thể hiện sự quan tâm, thân thiện với bạn có hoàn cảnh đặc biệt (bạn nhỏ tuổi hơn, bạn khuyết tật, bạn mới vào lớp).
102	MT102	<i>Chuẩn 9. Trẻ em ứng xử phù hợp với người khác và môi trường.</i> <i>Thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi; (CS25)</i>	Hoạt động khác: Tham gia hoạt động ở trường/lớp + Hòa nhập vào các trò chơi, hoạt động học tập, sinh hoạt tập thể. + Biết chấp hành nội quy lớp, xếp hàng, chờ đến lượt. + Tự tin tham gia văn nghệ, trò chơi dân gian, hoạt động nhóm. Tham gia hoạt động ở gia đình + Biết giúp đỡ bố mẹ việc đơn giản (nhặt rau, cất đồ, chăm em). + Biết chào hỏi, trò chuyện, lễ phép với người thân. + Hứng thú cùng gia đình tham gia các dịp lễ tết, sinh hoạt chung. Tham gia hoạt động cộng đồng gần gũi + Vui vẻ khi cùng người lớn đi siêu thị, chợ, công viên, lễ hội. + Biết hành vi phù hợp nơi công cộng: giữ trật tự, không chen lấn, xếp hàng. + Hứng thú khi tham gia hoạt động tập thể ở địa phương (tết trung thu, hội chợ quê, ngày

			lễ...). Khả năng thích ứng + Không rụt rè, e ngại khi tham gia môi trường mới, hoạt động mới. + Biết quan sát, làm theo hướng dẫn của người lớn và bạn bè. + Có thái độ vui vẻ, tự tin, hòa đồng.
103	MT103	<i>Chuẩn 9. Trẻ em ứng xử phù hợp với người khác và môi trường.</i> <i>Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp, (CS26)</i>	Hoạt động khác: Nhận biết mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên + Con người cần nước, không khí, ánh sáng, cây xanh, con vật để sống. + Môi trường tự nhiên cung cấp thức ăn, chỗ ở, đồ dùng cho con người. + Con người tác động đến môi trường: trồng cây, chăm sóc vật nuôi, khai thác tài nguyên... + Ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên + Biết bảo vệ cây xanh, chăm sóc hoa, không bẻ cành, ngắt lá. + Không vứt rác bừa bãi, biết bỏ rác đúng nơi quy định. + Biết tiết kiệm nước, điện, giấy, đồ dùng học tập. + Yêu quý và chăm sóc vật nuôi, không chọc phá hay làm hại con vật. Thái độ tích cực + Thích tham gia hoạt động khám phá thiên nhiên, chăm sóc cây – con vật. + Biết bày tỏ sự yêu thích môi trường trong lành, sạch đẹp. + Vui vẻ, tự hào khi góp phần giữ gìn môi trường
104	MT104	4.4. Biết chờ đến lượt.	Hoạt động học: - Xếp hàng rửa tay, rửa mặt. - Chờ đến lượt trong giờ thể dục, kiên nhẫn

			trong các hoạt động vui chơi.
105	MT105	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	Hoạt động học: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Trao đổi ý kiến và thảo luận với các bạn; chia sẻ, hợp tác - Chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng bạn. - Trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn - Xem hay lắng nghe lẫn nhau, lần lượt hát, chia sẻ kinh nghiệm. chia sẻ với bạn ý tưởng tạo hình, nguyên vật liệu, ... - Nhận biết một số quy tắc như thu dọn đồ dùng khi vẽ, nặn xong, ... - Cùng nhau vẽ một bức tranh chung.
106	MT106	<i>Trẻ biết hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu (CS 68)</i>	Hoạt động khác: + Bé chia sẻ với các bạn về chuyện vui, buồn của mình. + Bé chia sẻ đồ chơi với các bạn.
5. Quan tâm đến môi trường			
107	MT107	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động học: - Yêu quý, chăm sóc, bảo vệ cây, con vật. - Quan tâm hỏi han về cách chăm sóc con vật quen thuộc
108	MT108	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	Hoạt động học: - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi ""đúng"" "Sai" "Tốt" "Xấu" về môi trường - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
109	MT109	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	Hoạt động khác: - Thực hành tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn: Làm bài tập và tình huống thực tế.

			- Tham gia tích cực các hoạt động trong chế độ sinh hoạt 1 ngày - Dạy trẻ biết tiết kiệm thức ăn, ăn hết xuất. Biết nhặt cơm vãi bỏ vào đĩa - Tiết kiệm điện, nước.
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
110	MT110	<i>Chuẩn 19. Trẻ em thể hiện khả năng cảm thụ cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</i> <i>Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật; (CS55</i>	Hoạt động khác: Cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên + Thể hiện sự thích thú, vui vẻ khi ngắm hoa, cây, bầu trời, mưa, cầu vồng... + Bộc lộ sự ngạc nhiên, trầm trồ trước cảnh đẹp: mặt trời mọc, bãi biển, cánh đồng, vườn hoa. Cảm xúc trước cái đẹp trong cuộc sống + Vui mừng khi thấy hành động đẹp: bạn chia sẻ đồ chơi, giúp đỡ nhau. + Thích thú, yêu quý sự gọn gàng, sạch sẽ, trang phục đẹp, lớp học ngăn nắp. + Biết khen ngợi những điều hay, việc tốt xung quanh. Cảm xúc trước cái đẹp trong nghệ thuật + Hứng thú khi nghe nhạc, xem múa, nghe thơ, xem tranh, xem kịch rối. + Vỗ tay, mỉm cười, hát theo hoặc thể hiện niềm vui khi thưởng thức tác phẩm nghệ thuật. + Bày tỏ sự yêu thích với một bài hát, bức tranh, điệu múa nào đó. Thái độ tích cực + Thể hiện sự yêu quý, trân trọng cái đẹp bằng lời nói, hành động. + Muốn tham gia tạo ra cái đẹp: vẽ tranh, hát múa, trang trí lớp học, chăm sóc cây xanh.

111	MT111	<i>Chuẩn 19. Trẻ em thể hiện khả năng cảm thụ cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</i> <i>Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống; (CS56)</i>	Hoạt động khác: Bày tỏ ý kiến về cái đẹp trong thiên nhiên + Nhận xét, nêu cảm nghĩ khi nhìn thấy hoa, cây, con vật, cảnh đẹp: “Hoa này thơm quá”, “Con bướm đẹp quá”, “Bầu trời hôm nay xanh lắm”. + So sánh, phân biệt cái đẹp theo ý thích: thích hoa hồng hơn hoa cúc, thích bầu trời nắng hơn ngày mưa. Bày tỏ ý kiến về cái đẹp trong cuộc sống + Thể hiện sự yêu thích trước hành động đẹp: khen bạn khi bạn biết chia sẻ, giúp đỡ. + Nêu cảm nhận trước sự gọn gàng, sạch đẹp: “Lớp mình hôm nay rất ngăn nắp”, “Bàn ăn sạch sẽ đẹp mắt”. + Nhận xét về trang phục, đồ vật, sự vật trong cuộc sống theo cách riêng: “Chiếc váy này rất xinh”, “Bức tranh nhiều màu sắc nên đẹp”. Thái độ khi bày tỏ ý kiến + Tự tin, mạnh dạn chia sẻ ý kiến cá nhân. + Tôn trọng ý kiến khác biệt của bạn bè. + Thể hiện sự khích lệ khi thấy cái đẹp, mong muốn giữ gìn và tạo ra cái đẹp.
112	MT112	<i>Chuẩn 19. Trẻ em thể hiện khả năng cảm thụ cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</i> <i>Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật; (CS57)</i>	Hoạt động học: Bày tỏ ý kiến về sản phẩm tạo hình + Nhận xét tranh vẽ, nặn, cắt dán của mình hoặc của bạn: “Bức tranh này nhiều màu nên đẹp”, “Con mèo bạn nặn dễ thương quá”. + Thích hoặc không thích một sản phẩm và nói rõ lý do: “Con thích bức tranh có nhiều hoa”, “Con không thích vì ít màu sắc”. Bày tỏ ý kiến về sản phẩm âm nhạc + Nhận xét về bài hát, điệu múa, tiếng nhạc: “Bài hát này vui quá”, “Con thích điệu múa uyển chuyển”, “Tiếng trống nghe mạnh mẽ”. + Thích thể loại hoặc tiết tấu nào đó và chia sẻ

			cảm nhận. Bày tỏ ý kiến về sản phẩm nghệ thuật biểu diễn + Nhận xét khi xem kịch, rối, biểu diễn văn nghệ: “Bạn diễn vai hổ rất hay”, “Múa rối vui quá”. + Thể hiện sự hứng thú bằng cách vỗ tay, cười, khen ngợi. Thái độ khi bày tỏ ý kiến + Mạnh dạn, tự tin nói ra ý kiến cá nhân. + Tôn trọng ý kiến khác biệt của bạn. + Biết khen ngợi, động viên người khác khi họ tạo ra sản phẩm nghệ thuật
113	MT113	<i>Chuẩn 19. Trẻ em thể hiện khả năng cảm thụ cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</i> <i>Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống; (CS58)</i>	Hoạt động khác: Nhận biết một số loại hình nghệ thuật truyền thống + Biết tên và đặc điểm đơn giản của một số loại hình nghệ thuật dân gian: múa rối nước, chèo, tuồng, cải lương, quan họ, hát ru, dân ca 3 miền... + Nhận biết một số nhạc cụ dân tộc: trống, đàn bầu, đàn tranh, sáo... Bày tỏ cảm xúc, ý kiến + Thích thú, hào hứng khi nghe dân ca, xem múa rối, mặc trang phục truyền thống. + Nêu nhận xét đơn giản: “Tiếng đàn bầu nghe hay quá”, “Múa rối nước vui ạ”. Tham gia trải nghiệm nghệ thuật truyền thống + Hát theo một số câu hát dân ca quen thuộc. + Thực hiện động tác múa, trò chơi dân gian, hoặc biểu diễn cùng cô, bạn. + Biết sử dụng một số đạo cụ đơn giản trong nghệ thuật dân gian (khăn, quạt, trống nhỏ). Thái độ đối với nghệ thuật truyền thống + Yêu thích, tự hào khi được tiếp cận văn hóa nghệ thuật dân gian.

			+ Muốn tìm hiểu thêm và chia sẻ với bạn bè, người thân. + Có ý thức giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống.
114	MT114	<i>Chuẩn 19. Trẻ em thể hiện khả năng cảm thụ cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</i> <i>Có hành vi thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật, cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống. (CS59)</i>	Hoạt động khác: Giữ gìn cái đẹp trong thiên nhiên + Không ngắt hoa bẻ cành, không dẫm lên cỏ cây. + Biết chăm sóc, tưới nước, nhặt lá vàng cho cây. + Biết nhặt rác bỏ đúng nơi quy định để giữ môi trường sạch đẹp. Giữ gìn cái đẹp trong cuộc sống + Giữ quần áo, đồ dùng sạch sẽ, gọn gàng. + Biết xếp đồ chơi, sắp xếp góc học tập, góc nghệ thuật ngăn nắp sau khi sử dụng. + Biết khen ngợi và ủng hộ hành động đẹp của bạn bè, người khác. Giữ gìn sản phẩm nghệ thuật + Biết cất giữ, bảo quản tranh vẽ, đồ chơi, sản phẩm thủ công của mình và bạn. + Không làm rách, vẽ bậy, bôi bẩn lên sách, tranh, sản phẩm nghệ thuật. + Yêu thích, trân trọng sản phẩm nghệ thuật được trưng bày trong lớp, trường. Hành vi thể hiện sự yêu quý cái đẹp + Vui mừng, tự hào khi được ngắm hoặc tham gia tạo ra cái đẹp. + Chủ động đề nghị giữ gìn, bảo vệ cảnh quan, sản phẩm đẹp. + Biết nhắc nhở bạn bè cùng giữ gìn cái đẹp.
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
115	MT115	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn	Hoạt động học:

		cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Hát đúng lời, đúng nhạc, đúng giai điệu. - Thể hiện các sắc thái phù hợp với nội dung, tính chất bài hát khi hát qua giọng hát, ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...
116	MT116	2.2. Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	Hoạt động học: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
117	MT117	2.3. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	Hoạt động học: - Các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm: đất nặn, bột, lá cây. Vải vụn, len vụn, giấy màu, giấy dạ.... - Thể hiện nét mặt, động tác vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc: Dậm, vỗ, lắc, nhún, nhảy, uốn lượn, múa, khiêu vũ hiện đại. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
118	MT118	2.4. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Hoạt động học: Các kỹ năng vẽ: Kỹ năng cầm bút, KN Vẽ các nét xiên, cong, uốn lượn...KN chọn và tô màu để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
119	MT119	2.5. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Hoạt động học: - Các kỹ năng cắt, xé dán: KN cầm kéo, KN cắt thẳng, cắt lượn... KN xé dải, xé vụn, xé bầm...
120	MT120	2.6. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Hoạt động học: - Dạy trẻ các các kỹ năng nặn: Chia đất, xoay tròn, ấn bẹt, làm lõm, bẻ cong.... - Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố - Chia đất cân đối, vo tròn, bóp, ấn, ngắt, lăn,

			lăn dài, uốn cong, miết, gấn, kéo dài, gấn. Đính thêm các chi tiết vào hình nặn. Đặt sản phẩm vững trên bề mặt.
121	MT121	2.7. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Hoạt động học: - Các kỹ năng xếp hình: lắp ghép, xếp chồng....
122	MT122	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục - Phát biểu cảm nhận của bản thân khi quan sát các tác phẩm nghệ thuật - Chơi với các sản phẩm làm từ các nguyên vật liệu thiên nhiên.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
123	MT123	<i>Chuẩn 20. Trẻ em sử dụng nghệ thuật để thể hiện sự sáng tạo của bản thân.</i> <i>Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc; (CS60)</i>	Hoạt động học: Thể hiện cảm xúc qua hát + Hát rõ lời, đúng giai điệu một số bài hát quen thuộc. + Hát với sắc thái tình cảm phù hợp (vui tươi, nhẹ nhàng, hào hứng...) + Hát solo, hát cùng nhóm, hát đối đáp để thể hiện ý thích riêng. Thể hiện cảm xúc qua vận động theo nhạc + Vận động phù hợp với nhịp điệu: vỗ tay, gõ nhịp, lắc lư, bước chân theo nhạc. + Biểu diễn một số động tác múa, vận động minh họa cho bài hát. + Sáng tạo động tác vận động mới phù hợp với giai điệu và nội dung bài hát. Thể hiện ý tưởng cá nhân

			+ Thêm lời mới, thay đổi cách hát (to – nhỏ, nhanh – chậm) theo ý thích. + Sáng tạo cách vận động hoặc kết hợp đạo cụ (khăn, nón, hoa, trống nhỏ) khi biểu diễn. + Tham gia biểu diễn tự tin, biết thể hiện nét mặt, cử chỉ để truyền đạt cảm xúc. Thái độ khi thể hiện + Tự tin, hứng thú khi tham gia hát và vận động theo nhạc. + Biết chia sẻ niềm vui, cảm xúc âm nhạc với bạn bè. + Tôn trọng, cổ vũ sự thể hiện của bạn khác.
124	MT124	<i>Chuẩn 20. Trẻ em sử dụng nghệ thuật để thể hiện sự sáng tạo của bản thân.</i> <i>Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nói về sản phẩm đó;(CS61)</i>	Hoạt động học: Thể hiện ý tưởng, cảm xúc qua sản phẩm tạo hình + Vẽ tranh, nặn, cắt dán, xé dán... theo ý thích và cảm xúc riêng. + Lựa chọn màu sắc, hình khối, đường nét phù hợp với nội dung muốn thể hiện. + Sáng tạo thêm chi tiết, bố cục để làm sản phẩm sinh động, mang dấu ấn cá nhân. Tạo ra sản phẩm mang tính cá nhân + Sản phẩm có thể đơn giản nhưng thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc riêng (ví dụ: vẽ gia đình, bạn bè, cảnh thiên nhiên, con vật yêu thích). + Biết sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau (giấy màu, lá cây, hạt hạt, đất nặn...) để sáng tạo. Biết nói về sản phẩm của mình + Giới thiệu tên sản phẩm, ý tưởng và nội dung: “Đây là tranh con mèo của con”, “Con vẽ gia đình đi chơi công viên”. + Nói được lý do chọn màu sắc, chi tiết: “Con chọn màu đỏ vì con thích”, “Con dán hoa để bức tranh đẹp hơn”.

			+ Thể hiện sự tự tin và niềm vui khi chia sẻ sản phẩm của mình. Thái độ khi tham gia hoạt động tạo hình + Hứng thú, tích cực khi làm sản phẩm. + Tự hào, yêu quý sản phẩm của bản thân và của bạn + Tôn trọng sự khác biệt trong sản phẩm nghệ thuật của bạn bè.
125	MT125	<i>Chuẩn 20. Trẻ em sử dụng nghệ thuật để thể hiện sự sáng tạo của bản thân.</i> <i>Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật; (CS62)</i>	Hoạt động khác: Nhận biết nhân vật + Hiểu được một số nhân vật quen thuộc trong truyện, kịch, phim hoạt hình, trò chơi đóng vai (cô giáo, bác sĩ, công an, siêu nhân, động vật...). + Biết đặc điểm, tính cách cơ bản của nhân vật: hiền lành, dũng cảm, chăm chỉ, nghịch ngợm... Thể hiện vai diễn theo ý tưởng cá nhân + Sử dụng lời thoại, cử chỉ, điệu bộ để đóng vai nhân vật. + Thể hiện giọng nói, nét mặt phù hợp với tính cách nhân vật (nói dịu dàng, nói to, cười, khóc...). + Sáng tạo thêm tình tiết, cách diễn thể hiện ý tưởng riêng (ví dụ: đổi kết thúc câu chuyện, thêm lời thoại vui nhộn). Sử dụng đạo cụ và không gian + Biết lựa chọn, sử dụng trang phục, đạo cụ đơn giản (mũ, khăn, búp bê, thẻ vai...). + Biết phối hợp với bạn trong nhóm để lựa chọn vai chơi. Bộc lộ cảm xúc và sự tự tin khi diễn + Hứng thú, nhập vai khi thể hiện nhân vật. + Tự tin biểu diễn trước cô và bạn. + Biết chia sẻ niềm vui, khen ngợi bạn sau khi cùng tham gia diễn xuất.

			Thái độ khi tham gia đóng vai + Tôn trọng ý tưởng và cách thể hiện nhân vật của bạn. + Hợp tác, nhường nhịn khi diễn chung. + Yêu thích và tự hào khi được nhập vai nhân vật.
126	MT126	<i>Chuẩn 20. Trẻ em sử dụng nghệ thuật để thể hiện sự sáng tạo của bản thân.</i> <i>Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói/cử chỉ lịch sự/nhân ái...).(CS63)</i>	Hoạt động khác: Tạo cái đẹp trong sinh hoạt hằng ngày + Biết giữ gìn cơ thể sạch sẽ, gọn gàng (ăn mặc chỉnh tề, rửa tay sạch trước khi ăn). + Sắp xếp đồ chơi, bàn ghế, góc học tập, góc nghệ thuật ngăn nắp sau khi sử dụng. + Biết trang trí, sắp đặt lớp học theo cách riêng: xếp bàn ghế, gấp quần áo, treo tranh ảnh. Tạo cái đẹp trong giao tiếp, ứng xử + Sử dụng lời nói lễ phép: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, thưa gửi. + Biết thể hiện cử chỉ, hành động nhân ái: chia sẻ đồ chơi, nhường nhịn bạn, giúp bạn khi khó khăn. + Biết mỉm cười, nói lời động viên để tạo niềm vui cho người khác. Tạo cái đẹp qua hoạt động thẩm mỹ + Tham gia cắm hoa, xếp lá, trang trí lớp học, làm đồ dùng từ nguyên vật liệu đơn giản. + Biết kết hợp màu sắc, hình dáng để tạo ra sản phẩm đẹp mắt. + Tự tin giới thiệu sản phẩm, cách làm đẹp theo ý tưởng riêng. Thái độ khi tạo ra cái đẹp + Tự hào, vui thích khi mình góp phần làm cho lớp, gia đình, môi trường thêm đẹp. + Khuyến khích, khen ngợi bạn bè cùng tạo ra cái đẹp. + Có ý thức duy trì và lan tỏa những hành vi

			đẹp trong cuộc sống hằng ngày
127	MT127	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	Hoạt động học: - Làm quen một số nhạc cụ quen thuộc. Luyện kỹ năng biểu diễn trên sân khấu. Tạo ra nhạc cụ từ các nguyên liệu khác nhau. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.

**THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2024 - 2025**

MẪU GIÁO 5-6 TUỔI: GỒM 11 CHỦ ĐỀ

Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 08/09/2025 – 22/5/2026

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Trường Mầm non	3	Tuần 1	08/9 - 12/9/2025	
			Tuần 2	15/9 - 19/9/2025	
			Tuần 3	22/9 - 26/9/2025	
2	Gia đình	4	Tuần 4	29/9 - 03/10/2025	Trung Thu: Thứ 2 ngày 6/10 (15/8 âm lịch) Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Thứ 2 ngày 20/10
			Tuần 5	06/10 - 10/10/2025	
			Tuần 6	13/10 - 17/10/2025	
			Tuần 7	20/10 - 24/10/2025	
3	Bản thân	3	Tuần 8	27/10 - 31/10/2025	
			Tuần 9	03/11 - 07/11/2025	
			Tuần 10	10/11 - 14/11/2025	
4	Giao	4	Tuần 11	17/11 - 21/11/2025	Ngày nhà giáo

	thông		Tuần 12	24/11 - 28/11/2025	<i>Việt Nam: Thứ 5 ngày 20/11</i>
			Tuần 13	01/12 - 05/12/2025	
			Tuần 14	08/12 - 12/12/2025	
5	Nghề nghệp	4	Tuần 15	15/12 - 19/12/2025	<i>- Ngày thành lập QĐNDVN: Thứ 2 ngày 22/12</i> <i>- Kết thúc HK I: Ngày 09/01/2026 (Thứ 6)</i>
			Tuần 16	22/12 - 26/12/2025	
			Tuần 17	29/12 - 02/01/2026	
			Tuần 18	05/01 - 09/01/2026	
6	Thế giới động vật	3	Tuần 19	12/01 - 16/01/2026	<i>- Ngày 12/01/2026: Bắt đầu HKII (Thứ 2)</i> <i>- Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử</i>
			Tuần 20	19/01 - 23/01/2026	
			Tuần 21	26/01 - 30/01/2026	
	Tết và mùa xuân	3	Tuần 22	02/02 - 06/02/2026	
			Tuần 23	09/02 - 13/02/2026	
7					
	Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02 - 28/02/2026				
			Tuần 24	02/03 - 6/03/2026	
8	Thế Giới Thực Vật	4	Tuần 25	9/3 - 13/3/2026	<i>Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 (Thứ 7)</i>
			Tuần 26	16/3 - 20/3/2026	
			Tuần 27	23/3 - 27/3/2026	
			Tuần 28	30/3 - 3/4/2026	

9	Nước và một số HTTN	3	Tuần 29	6/4 - 10/4/2026	
			Tuần 30	13/4 - 17/4/2026	
			Tuần 31	20/4 – 24/4/2026	
10	Quê hương, Bác Hồ	2	Tuần 32	27/4 - 01/5/2026	Giỗ Tổ Hùng Vương 26/4/2026 Nghỉ Lễ 30/4, 1/5 (Thứ 5, 6)
			Tuần 33	04/5 - 08/5/2026	
11	Trường tiểu học	2	Tuần 34	11/5 - 15/5/2026	- Sinh nhật Bác (19/5) -Kết thúc học kỳ II: 22/5/2026 (Thứ 6)
			Tuần 35	18/5 - 22/5/2026	

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH



Bùi Thị Thủy

Yên Tử, ngày 30 tháng 8 năm 2025
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Phiên